

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: Xã hội học

MÃ SỐ : 52310301

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Xã hội học
 - + Tiếng Anh: Sociology
- Mã số ngành đào tạo: 52310301
- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân
- **Thời gian đào tạo: 04 năm**
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Xã hội học
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Sociology
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Xã hội học có mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức rộng về các vấn đề xã hội, có các kỹ năng phân tích sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người, có năng lực tư vấn xây dựng các chính sách xã hội đáp ứng các nhu cầu phát triển của đất nước.

Đồng thời, cử nhân Xã hội học được đào tạo có đầy đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội để thực hành nghề trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, và tổ chức có yếu tố nước ngoài góp phần xây dựng Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, hội nhập và văn minh.

3. Thông tin tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: **Tuyển thẳng, xét tuyển và thi tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.**
- **Dự kiến quy mô tuyển sinh: Một khóa 80 sinh viên**

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Hiểu biết và kiến thức cơ sở chung

-Nắm vững các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam.

-Có kiến thức và kỹ năng cơ bản để giao tiếp tốt bằng một trong bốn ngoại ngữ quan trọng được ĐHQGHN thừa nhận và tổ chức giảng dạy (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung).

-Nhận thức tốt về tầm quan trọng của các kiến thức quân sự, thể dục cũng như có các năng lực cơ bản theo yêu cầu huấn luyện của các lĩnh vực này.

1.2. Hiểu biết chung về các lĩnh vực văn hoá, chính trị, kinh tế, xã hội

-Có kiến thức rộng về văn hoá đại cương, về lịch sử của các nền văn minh trên thế giới.

-Nắm vững các kiến thức về Nhà nước và pháp luật đại cương; Có hiểu biết cơ bản về tổ chức của Nhà nước Việt Nam hiện nay, về sự phân chia các ngành luật và một số vấn đề quan trọng nhất của Pháp luật.

-Nắm vững kiến thức về logic học, về các vấn đề môi trường hiện nay gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

-Nắm vững các phương pháp thống kê cơ bản, ứng dụng vào việc thu thập và xử lý các thông tin khoa học xã hội.

-Có kiến thức nhập môn về kinh tế học.

1.3. Nắm vững kiến thức cơ bản của các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

-Bước đầu nắm được kiến thức cơ bản liên ngành của các ngành gần như Nhân học đại cương, Dân số học, Tâm lý học xã hội đại cương, Công tác xã hội, Lịch sử văn hoá Việt Nam.

-Nắm vững các phương pháp nghiên cứu cơ bản của các khoa học thuộc khối ngành, ứng dụng vào việc thu thập và xử lý các thông tin thu thập được (định lượng và định tính) bằng các phần mềm máy tính thịnh hành nhất.

1.4. Khối kiến thức chung của nhóm ngành

-Nắm vững các kiến thức và phương pháp nghiên cứu cơ bản của các khoa học thuộc nhóm ngành (Xã hội học, Công tác xã hội, Nhân học, Tâm lý học).

-Có kiến thức cơ bản về khoa học phân tích hành vi của con người đặt trong môi trường xã hội.

-Nắm vững các kiến thức về truyền thông và dư luận xã hội.

-Có kiến thức cơ bản về tâm lý học phát triển và tôn giáo đại cương.

1.5. Kiến thức và hiểu biết cơ bản về ngành

-Nắm vững kiến thức về Xã hội học đại cương như lược sử hình thành, các tác giả cổ điển quan trọng nhất (A. Comte, É. Durkheim, M. Weber...), cách phân chia các chuyên ngành cơ bản trong Xã hội học, những phương pháp cơ bản nhất, một số khái niệm và thuật ngữ quan trọng nhất.

-Nắm vững lịch sử hình thành và cốt lõi của các chủ thuyết trong Xã hội học hiện đại: chủ thuyết cấu trúc – chức năng, chủ thuyết về hành động xã hội, chủ thuyết về tương tác xã hội, chủ thuyết về tương tác biểu trưng, chủ thuyết về xung đột, chủ thuyết về mạng lưới xã hội...

-Hiểu được cách phân chia cơ bản các phạm trù ứng dụng của kiến thức Xã hội học (Kinh tế, Quản lý tổ chức, Giới và Gia đình, Văn hoá, Giáo dục, Phát triển nông thôn, Phát triển đô thị...).

-Nắm vững và ứng dụng các phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu Xã hội học cơ bản cũng như Xã hội học ứng dụng (can thiệp).

-Có kiến thức nền tảng về các chuyên ngành quan trọng nhất phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam: Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học về giới, Xã hội học quản lý, Xã hội học gia đình, Xã hội học giáo dục, Xã hội học văn hoá, Xã hội học dân số, Xã hội học môi trường, Xã hội học về cộng đồng, Xã hội học kinh tế, Xã hội học lao động, Phát triển cộng đồng...

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

2.1.1. Kĩ năng năng phát hiện, lập luận tư duy và giải quyết vấn đề từ phương diện Xã hội học

-Có khả năng tư duy, nhận thức về một vấn đề xã hội cơ bản ở cấp độ vi mô (cấp độ hành vi con người, nhóm người trên một địa bàn nhỏ và trong mối quan hệ ở một thiết chế vừa) và cấp độ vĩ mô (phát hiện và khái quát một vấn đề xã hội).

-Biết đánh giá và phân tích một vấn đề xã hội trên bình diện xã hội học cơ bản.

-Có năng lực phát hiện bản chất của một vấn đề xã hội.

-Biết vận dụng hệ thống lý luận xã hội học để giải thích một vấn đề xã hội để từ đó đề xuất những khuyến nghị và giải pháp thích hợp.

-Biết phát hiện và đề xuất những biện pháp, khuyến nghị để giải quyết một vấn đề xã hội.

- Biết đánh giá xu hướng phát triển của một hiện tượng xã hội, một vấn đề xã hội.
- Biết vận dụng kiến thức xã hội học để can thiệp, tư vấn, phản biện và tham gia xây dựng một chính sách xã hội.

2.1.2. Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Biết phát hiện một vấn đề xã hội và biết thiết kế một đề cương nghiên cứu Xã hội học cơ bản cũng như Xã hội học ứng dụng trong phạm vi trường hợp và tiến hành nghiên cứu trong phạm vi ấy.
- Biết viết lịch sử về vấn đề nghiên cứu ở tầm vi mô, xác định mục tiêu, lựa chọn khách thể, đặt câu hỏi nghiên cứu, biết trình bày các loại giả thuyết và xây dựng khung lý thuyết (khung phân tích).
- Vận dụng tốt các phương pháp định tính và định lượng cơ bản để thu thập và xử lý thông tin: xây dựng bộ công cụ để nghiên cứu thực nghiệm, phân tích tài liệu (sơ cấp, thứ cấp), phương pháp chọn mẫu, trưng cầu ý kiến, phỏng vấn với bảng hỏi cấu trúc, bảng hỏi bán cấu trúc, điều tra thử, phỏng vấn sâu, quan sát (tham dự hoặc không tham dự).
- Biết phân tích, thao tác hoá các thuật ngữ, khái niệm, ứng dụng lý thuyết, và biết sử dụng các phát hiện từ nghiên cứu trường hợp để viết báo cáo khoa học (báo cáo thực tập, niên luận và khoá luận).
- Biết tìm các nguồn tư liệu có chất lượng phục vụ nghiên cứu: tác giả, tác phẩm, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản và địa chỉ của tư liệu cần thiết cho nghiên cứu.
- Biết thiết kế 2 loại đề cương nghiên cứu chính trong xã hội học: nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng.
- Biết trình bày kết quả nghiên cứu một cách đa dạng (bảng, biểu, phỏng vấn sâu, hình ảnh...) và biết sử dụng các công nghệ thông tin hỗ trợ trong trình bày kết quả nghiên cứu.

2.1.3. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Có năng lực tư duy tổng hợp và biết phân tích một số vấn đề xã hội, sự kiện xã hội nổi bật từ nhiều góc độ khác nhau theo hai phương pháp tiếp cận lịch đại và đồng đại.
- Nắm vững logic trình tự của một nghiên cứu xã hội học cấp độ vi mô.
- Nắm vững các phương pháp phân tích cơ bản theo các chủ thuyết cơ bản của xã hội học: tiếp cận phân tích một hiện tượng xã hội theo ba nhóm biến số (độc lập, can thiệp và phụ thuộc), tiếp cận phân tích tính đại diện theo phương pháp điều tra chọn mẫu định lượng hay tiếp cận phối hợp định tính – định lượng để phân tích một cách có hệ thống một hiện tượng hay một sự kiện xã hội.

2.1.4. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Biết vận dụng kiến thức và kỹ năng xã hội học để đề xuất các biện pháp góp phần giải quyết một số mâu thuẫn xã hội, những vấn đề quản lý con người, quản lý xã hội trong tổ chức nói riêng và trong tổng thể xã hội nói chung.
- Biết vận dụng kiến thức và kỹ năng xã hội học trong việc tư vấn và phản biện các chính sách xã hội.
- Có năng lực sáng tạo, phát triển và thích ứng cao với môi trường nghề nghiệp luôn luôn biến đổi.
- Những cử nhân xã hội học tốt nghiệp từ loại giỏi trở lên có năng lực tạo dựng một số hoạt động kinh tế - xã hội trong điều kiện thay đổi nhanh chóng của môi trường làm việc: Có năng lực tự tạo việc làm cho bản thân bằng cách thành lập một tổ chức nhỏ, tổ chức phi lợi nhuận hoặc một tổ chức xã hội (doanh nghiệp xã hội).

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Biết xây dựng và thực hiện tinh thần làm việc theo ê-kíp.
- Biết truyền thông trong nhóm, giữa nhóm thuộc tính và tổ chức.
- Biết xử lý một xung đột nhóm.

2.2.2. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

- Bước đầu biết xây dựng chiến lược cho một tổ chức nhỏ (10 – 25 người).
- Biết điều phối quyền lợi, phân công trách nhiệm và tổ chức công việc cho một tổ chức nhỏ.
- Biết nêu và giải quyết vấn đề của một tổ chức nhỏ.
- Biết tổ chức và điều hành một cuộc họp của nhóm nhỏ.

2.2.3. *Kỹ năng giao tiếp*

- Biết lắng nghe.
- Biết diễn thuyết trước một đám đông.
- Biết đọc nhanh và tổng hợp được các loại hình văn bản.
- Biết viết báo cáo tổng hợp cho một tổ chức nhỏ.
- Thành thạo các hình thức giao tiếp (lời nói, văn bản, mạng internet...) với các đối tượng xã hội khác nhau.

2.2.4. *Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*

- Có kiến thức và kỹ năng sử dụng một trong 4 ngoại ngữ theo chương trình chuẩn của ĐHQGHN.
- Nghe và hiểu được các bản tin thông thường trên các phương tiện thông tin đại chúng của nước mà mình học tiếng của họ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Trung).
- Nói được bằng ngoại ngữ về những chủ đề thường thức.
- Đọc và tóm tắt được một số tài liệu thường thức về một chủ đề của cuộc sống.
- Viết được một bài luận (20 – 30 trang), một bản báo cáo hoặc tóm tắt một chuyên công tác, một cuộc họp.

2.2.5. *Các kỹ năng mềm khác*

- Theo quy định về đào tạo kỹ năng mềm của ĐHQGHN.
- Biết sử dụng các phần mềm máy tính cơ bản: word, excel, spss.
- Biết làm chủ vị trí lao động của bản thân trong mối liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với các vị trí lao động khác.
- Biết nhiều cách để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Biết học tập từ đồng nghiệp và tự học thêm để hoàn thiện bản thân.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. *Phẩm chất đạo đức cá nhân*

- Trách nhiệm, đoàn kết, trung thành, tận tụy, có ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác trong công việc, trung thực, thẳng thắn, tôn trọng mọi người, phê bình và tự phê bình đúng lúc, đúng chỗ, không bẻ phách, không xu nịnh...

3.2. *Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp*

- Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề nghiệp của một nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, và nhà nghiên cứu xã hội học nói riêng.

3.3. *Phẩm chất đạo đức xã hội*

- Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Việt Nam.
- Tôn trọng và phát huy hệ giá trị của xã hội Việt Nam cũng như các tinh hoa văn hoá của nhân loại.

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Làm công tác tư vấn, quản lí trong các cơ quan quản lí nhà nước.
- Làm công tác tư vấn trong các tổ chức phi chính phủ với các lĩnh vực hoạt động xã hội khác nhau.
- Làm công tác nghiên cứu ở các trường, trung tâm, viện nghiên cứu.
- Làm công tác giảng dạy trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.
- Làm phóng viên, biên tập viên trong các cơ quan truyền thông.
- Làm nhân viên Xã hội học trong các tổ chức xã hội.

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học xong chương trình cử nhân sinh viên có thể học tiếp chương trình cao học, nghiên cứu sinh trong nước hoặc tham gia các chương trình du học sau đại học ở nước ngoài.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh, kỹ năng bổ trợ): **137** **tín chỉ, trong đó**

- **Khối kiến thức chung** (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh, kỹ năng bổ trợ): **27** **tín chỉ**
 - + Bắt buộc **26** **tín chỉ**
 - + Tự chọn **20** **tín chỉ**
- **Khối kiến thức theo lĩnh vực:** **6/10** **tín chỉ**
 - + **Khối kiến thức theo khối ngành** **17** **tín chỉ**
 - + Bắt buộc **12** **tín chỉ**
 - + Tự chọn **5/15** **tín chỉ**
 - + **Khối kiến thức theo nhóm ngành** **14** **tín chỉ**
 - + Bắt buộc **9** **tín chỉ**
 - + Tự chọn **5/10** **tín chỉ**
 - + **Khối kiến thức ngành** **53** **tín chỉ**
 - + Bắt buộc **30** **tín chỉ**
 - + Tự chọn **10/27** **tín chỉ**
- + **Kiến thức thực tập và tốt nghiệp:** **13** **tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (Không tính các học phần từ số 9 đến số 11)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1 Fundamentals of Marxist-Leninist Philosophy 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2 Fundamentals of Marxist-Leninist Political Economics 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Revolutionary Guidelines of Vietnam Communist Party	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở Informatics	3	17	28		
6	FLF1105 FLF1205 FLF1305	Ngoại ngữ A1 Tiếng Anh A1 Tiếng Nga A1	4	16	40	4	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
	FLF1405	Tiếng Pháp A1 Tiếng Trung A1 General foreign language 1					
7	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406	Ngoại ngữ A2 Tiếng Anh A2 Tiếng Nga A2 Tiếng Pháp A2 Tiếng Trung A2 General foreign language 2	5	20	50	5	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405
8	FLF1107 FLF1207 FLF1307 FLF1407	Ngoại ngữ B1 Tiếng Anh B1 Tiếng Nga B1 Tiếng Pháp B1 Tiếng Trung B1 General foreign language 3	5	20	50	5	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406
9		Giáo dục thể chất Physical Exercise	4				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh Education of national defence and security	8				
11		Kĩ năng bổ trợ Supporting skills	3				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	26				
II.1		Các học phần bắt buộc	20				
12	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam Fundamentals of Vietnamese Culture	3	42	3		
13	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học Reserch Methods	3	33	12		
14	PSY1051	Tâm lí học đại cương General Psycology	3	30	15		
15	PHI1054	Logic học đại cương General Logics	3	30	15		
16	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới History of World Civilization	3	42	3		
17	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương General State and law	2	20	5	5	PHI1004
18	SOC1051	Xã hội học đại cương General Sociology	3	39	6		
II.2		Các học phần tự chọn	6/10				
19	INE1014	Kinh tế học đại cương General economics	2	20	8	2	
20	EVS1001	Môi trường và phát triển Environment and Development	2	20	8	2	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
21	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội Statistics for Social Sciences	2	18	6	6	
22	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt Perceiving and Writing Practice of Vietnamese texts	2	10	10	10	
23	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin Introduction to Information Literacy	2				
III		Khối kiến thức theo khối ngành	17				
III.1		Các học phần bắt buộc	12				
24	SOW1100	Công tác xã hội đại cương General Social Work	3	39	6		
25	ANT1100	Nhân học đại cương General Anthropology Introduction to Anthropology	3	39	6		
26	PHI1101	Tôn giáo học đại cương General Religiology Studies	3	39	6		
27	PSY2023	Tâm lí học xã hội Social Psycology	3	30	15		
III.2		Các học phần tự chọn	5/12				
28	SOW2003	Gia đình học Family Study	2	26	4		
29	SOC1100	Sử dụng phần mềm xử lí dữ liệu Use of SPSS	2	22	8		
30	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương (General Vietnamese history)	3	42	3		
31	SOW1101	Dân số học đại cương (General Population)	3	39	6		
32	PSY1100	Tâm lí học giao tiếp Communication Psycology	2	30			
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	15				
IV.1		Các học phần bắt buộc	9				
33	PSY1150	Tâm lí học phát triển (Psycology of development)	3	30	15		PSY1051
34	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội Human behavior and the Social environment	3	39	6		SOW1100
35	SOW1102	Phát triển cộng đồng Community development	3	39	6		
IV.2		Các học phần tự chọn	5/10				
36	PSY1151	Tâm lí học sức khỏe Psycology of health	2	30			PSY1051

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
37	SOC3024	Chính sách xã hội Social Policy	2	26	4		SOC1051
38	SOC3006	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội Sociology of Mass communication and public opinion	3	39	6		SOC1051
39	SOW3045	Công tác xã hội với người nghèo Social work with people with poverty	3	39	6		SOW303 2 SOW303 3
V		Khối kiến thức ngành	40				
V.1		Các học phần bắt buộc	30				
40	SOC3039	Lịch sử và Lí thuyết xã hội học History of Sociology and sociological theory	5	75			SOC1051
41	SOC3040	Phương pháp nghiên cứu xã hội học Research method in Sociology	4	50	10		SOC1051
42	SOC3009	Xã hội học quản lí Sociology of management	3	39	6		SOC3039 SOC3040
43	SOC3041	Xã hội học giới Sociology of Gender	2	28	2		SOC3039 SOC3040
44	SOC3007	Xã hội học gia đình Sociology of the family	2	28	2		SOC3039 SOC3040
45	SOC3042	Xã hội học nông thôn Rural Sociology	3	29	6		SOC3039 SOC3040
46	SOC3002	Xã hội học đô thị Urban Sociology	2	28	2		SOC3039 SOC3040
47	SOC3011	Xã hội học dân số Sociology of Population	3	39	6		SOC3039 SOC3040
48	SOC3015	Xã hội học môi trường Environmental Sociology	2	28	2		SOC3039 SOC3040
49	SOC3005	Xã hội học văn hóa Sociology of Culture	2	28	2		SOC3039 SOC3040
50	SOC3012	Xã hội học giáo dục Sociology of Education	2	28	2		SOC3039 SOC3040
V.2		Các học phần tự chọn	10/ 27				
51	SOC3051	Xã hội học kinh tế Economic Sociology	3	39	6		SOC3039 SOC3040
52	SOC3020	Xã hội học tôn giáo Sociology of religion	2	26	4		SOC3039 SOC3040
53	SOC3016	Xã hội học du lịch	2	28	2		SOC3039 SOC3040

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		Sociology of tourism					
54	SOC3013	Xã hội học sức khỏe Sociology of health	2	28	2		SOC3039 SOC3040
55	SOC3052	Xã hội học pháp luật và Tội phạm Sociology of Law and Crime	3	39	6		SOC3039 SOC3040
56	SOC3053	Xã hội học tổ chức và Quản lí nguồn nhân lực Sociology of organizations and human resource management	2	28	2		SOC3039 SOC3040
57	SOC3054	Xã hội học lao động – nghề nghiệp Sociology of labor and professions	3	39	6		SOC3039 SOC3040
58	SOC3004	Xã hội học chính trị Political Sociology	2	28	2		SOC3039 SOC3040
59	SOC3014	Xã hội học cộng đồng Community of Sociology	2	28	2		SOC3039 SOC3040
60	SOC3034	Xã hội học thanh niên Sociology of youth	2	28	2		SOC3039 SOC3040
61	SOC3032	Lồng ghép giới trong các dự án phát triển Intergration of gender into Science research and development projects	2	28	2		SOC3039 SOC3040
62	SOC3017	Xã hội học khoa học và công nghệ Sociology of Science and Technology	2	28	2		SOC3039 SOC3040
V.3		Kiến thức thực tập và tốt nghiệp	13				
63	SOC4055	Thực tập phương pháp Field work	5	5	40	30	SOC3039 SOC3040
64	SOC4052	Thực tập tốt nghiệp Internship	3	5	25	15	SOC4055
65	SOC4053	Khóa luận tốt nghiệp Graduation thesis	5	5	40	30	SOC4055
		<i>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>	5				
66	SOC4056	Thiết kế nghiên cứu xã hội học Research design in Sociology	3	5	25	15	SOC3039 SOC3040
67	SOC4058	Lý thuyết xã hội học kinh điển Grand sociological theory (Classical)	2	5	20	5	SOC3039 SOC3040
		Tổng cộng	137				

*** Ghi chú:** *Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm TBC học kỳ, điểm TBC các học phần và điểm TBC tích lũy.*

3. Danh mục tài liệu tham khảo (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)
1.	PHI1004 PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1,2	5	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nxb CTQG HN. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo trình Triết học Mác - Lênin, Nxb CTQG HN. 3. Đại học Quốc gia Hà Nội (2009) , Đề cương học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (soạn theo học chế tín chỉ) 2. Tài liệu tham khảo: 1. V.I. Lênin (2005), “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán”, V.I. Lênin toàn tập, tập 18, Nxb CTQG HN, tr.36-233. 2. V.I. Lênin (2006), “Bút ký triết học”, V.I. Lênin toàn tập, tập 29, Nxb CTQG HN, tr.175-195, 199-215; 227-258. 3. C.Mác (1995), “Luận cương về Phoiơbắc”, C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 3, Nxb CTQG HN, tr.9-12. 4. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), “Hệ tư tưởng Đức”, C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 3, Nxb CTQG HN, tr.19-113. 5. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 4, Nxb CTQG HN, tr.595-643. 6. Ph.Ăngghen (1995) “Biện chứng của tự nhiên”, C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập, tập 20, Nxb CTQG HN, tr.458-572; 641- 658; 681- 754; 755-774; 803-824.

2	POL 1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Đề cương học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh do Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)</i>, Nxb. CTQG, Hà Nội. 2. Học liệu tham khảo: 1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2002), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb. CTQG, Hà Nội. 2. Tập trích tác phẩm của Hồ Chí Minh do Bộ môn Khoa học Chính trị, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội biên soạn. 3. Trần Văn Giàu (1997), <i>Sự hình thành về cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb. CTQG, Hà Nội. 4. Võ Nguyên Giáp (2000), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>, Nxb. CTQG, Hà Nội.
---	-------------	----------------------------	---	---

3	HIS1 002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009): <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. CTQG, HN. 2. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, PGS. TS. Tô Huy Rứa, GS. TS. Hoàng Chí Bảo, PGS. TS. Trần Khắc Việt, PGS. TS. Lê Ngọc Tông (Đồng chủ biên): <i>Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay</i>, Nxb. CTQG, H.2009. 3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2007): <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, tập I, II, III. Nxb. CTQG, Hà Nội. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn sách giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2008). <i>Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb. CTQG, Hà Nội. 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006): <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (dành cho các trường đại học và cao đẳng), tái bản lần thứ nhất, Nxb. CTQG, HN. 3. <i>Chương trình học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (ban hành theo Quyết định số 52/2008 ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
---	-------------	---	---	---

4	INT 1004	Tin học cơ sở	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Bài giảng của giáo viên. 2. Phạm Hồng Thái, Đào Minh Thư, Lương Việt Nguyên, Du Phương Hạnh, Nguyễn Việt Tân (2008), Giáo trình thực hành Tin học Cơ sở, NXB Đại học Quốc gia Hà nội. 3. Đào Kiến Quốc, Bùi Thế Duy (2006), Giáo trình Tin học cơ sở, NXB Đại học Quốc gia Hà nội. 4. Tài liệu hướng dẫn sử dụng Openoffice/Writer tại địa chỉ : http://www.coltech.vnu.edu.vn/FreeSoftware/Office tools/OpenOffice-Vi Docs/Writer 5. Tài liệu hướng dẫn sử dụng Openoffice/Calc tại địa chỉ : http://www.coltech.vnu.edu.vn/FreeSoftware/Office tools/OpenOffice-Vi-Docs/Calc 2. Tài liệu tham khảo: 1. Hoàng Chí Thành (2006), Giáo trình tin học cơ sở, NXB Đại học quốc gia Hà Nội. 2. Ngô Thị Thảo (2008), Giáo trình tin học cơ sở, NXB Đại học Quốc gia Hà nội.
5	FLF 1105	Tiếng Anh A1	5	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Soars, J. & Soars, L. (2000). New headway: English course-Elementary: Students' book. Oxford University Press. 2. Soars, J. & Soars, L. (2000). New headway: English course-Elementary: Workbook. Oxford University Press. 3. Hutchinson, T. (1999) - Lifelines - Elementary: Workbook. Oxford: Oxford University Press. 2. Học liệu tham khảo: 1. Hutchinson, T. (1999) - Lifelines - Elementary: Students' book (Fourth edition). Oxford: Oxford University Press. 2. Soars, J. & Soars, L. (2000). New headway: English course-Elementary: Teacher's book. Oxford University Press.

	FLF 1106	Tiếng Anh A2	7	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Soars, J. & Soars, L. (2000). <i>New headway: English course - Elementary: Students' book</i>. Oxford University Press. 2. Soars, J. & Soars, L. (2000). <i>New headway: English course- Elementary: Workbook</i>. Oxford University Press. 3. Soars, J. & Soars, L. (2000). <i>New headway: English course - Pre Intermediate: Students' book</i>. Oxford University Press. 4. Soars, J. & Soars, L. (2000). <i>New headway: English course - Pre Intermediate: Workbook</i>. Oxford University Press. 2. Học liệu tham khảo: 1. Hutchinson, T. (1999) - <i>Lifelines - Elementary: Students' book (Fourth edition)</i>. Oxford: Oxford University Press. 2. Hutchinson, T. (1999) - <i>Lifelines - Elementary: Workbook</i>. Oxford: Oxford University Press. 3. Hutchinson, T. (1999) - <i>Lifelines - Pre Intermediate: Students' book (Fourth edition)</i>. Oxford: Oxford University Press. 4. Hutchinson, T. (1999) - <i>Lifelines - Pre Intermediate: Workbook</i>. Oxford: Oxford University Press.
6	FLF 1107	Tiếng Anh B1	7	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Soars, John and Liz (2000), <i>New Headway Pre-Intermediate: Students' Book</i>, OUP. 2. Soars, John and Liz (2000), <i>New Headway Pre-Intermediate: Workbook</i>, OUP. 3. Hutchinson, T (1997), <i>Lifelines Pre-Intermediate: Students' Book</i>, OUP. 4. Hutchinson, T (1997), <i>Lifelines Pre-Intermediate: Workbook</i>, OUP. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Blackwell, A., Naber, T (2005), <i>English KnowHow: Student's Book 2</i>, OUP. 2. Blackwell, A., Naber, T (2005), <i>English KnowHow: Workbook 2</i>, OUP. 3. Oxeden, C., Lathem-Koenig, C (1999), <i>English Files 2: Students' Book</i>, OUP.

	Giáo dục thể chất	4	1.Tài liệu bắt buộc: 1. Ngô Quang Huy (2005), Giáo trình Giáo dục thể chất, Bài giảng điện tử của trường ĐHKHTN, ĐHQGHN. 2. Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất (1998), NXB TDTT.
7	Giáo dục quốc phòng an ninh: Một số nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng	2	1.Tài liệu bắt buộc: 1. Giáo trình GDQP tập 3 (2002), Nxb Giáo dục. 2. Giáo trình GDQP tập 1 (2005), Sách giáo viên. Nxb Giáo dục. 3. Giáo trình GDQP (2006), Một số nội dung cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng TTGDQP - ĐHQGHN. 4. Các văn bản hiện hành về GDQP cho học sinh – sinh viên. Vụ Giáo dục quốc phòng, Bộ Giáo dục và đào tạo (2005), Nxb Quân đội nhân dân. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6, 7, 8, 9, 10 2. Nghị quyết TW8 Đại hội IX về Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. 3. Lịch sử Việt Nam tập 1, 2, 3 (2005), Bộ Giáo dục. 4. Phòng chống chiến lược DBHB (2005), Nxb QĐND. - Hồi đáp về chiến lược DBHB (2005), Nxb QĐND.
8	Giáo dục quốc phòng an ninh: Công tác quốc phòng	2	1.Tài liệu bắt buộc: 1. Giáo trình GDQP (2002), Nxb Giáo dục. 2. Giáo trình GDQP đại học - cao đẳng (2005), Sách giáo viên, tập 1, Nxb Giáo dục. 3. Giáo trình GDQP (2006): Một số nội dung cơ bản về Công tác quốc phòng., TTGDQP - ĐHQGHN. 4. Các văn bản hiện hành về GDQP cho học sinh – sinh viên (2005), Vụ Giáo dục quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nxb Quân đội nhân dân. 2.Tài liệu tham khảo: 1. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6, 7, 8, 9, 10 2. Nghị quyết TW8 Đại hội IX về Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. 3. Lịch sử Việt Nam tập 1, 2, 3 (2005), Bộ Giáo dục.

9	Giáo dục quốc phòng an ninh: Một số nội dung cơ bản về Kỹ thuật, chiến thuật bộ binh	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Giáo trình GDQP : Một số nội dung về KTBB, Nxb Giáo dục, 2002 2. Giáo trình GDQP đại học và cao đẳng, tập 2, Sách giáo viên, Nxb Giáo dục, 6/2005 3. Giáo trình GDQP: Một số nội dung cơ bản về Kỹ thuật, chiến thuật bộ binh, TTGDQP - ĐHQGHN, 2006. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Bản đồ địa hình. Nxb BTTM. 2. Kỹ thuật bản đồ số, Nxb BTTM. 3. Nhữ Thị Xuân (2003), Bản đồ địa hình, Nxb ĐHQGHN. 4. Hành động chiến đấu cá nhân và nguyên tắc chiến đấu tiến công, phòng ngự các cấp (từ tiểu đội đến trung đội) TSQLQ1.
10	Kĩ năng bổ trợ	3	
11	HIS1 056 Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Đào Duy Anh, <i>Việt Nam văn hoá sử cương</i> , NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội. 2. Nguyễn Thừa Hỷ (2001), <i>Lịch sử văn hoá Việt Nam truyền thống giản yếu</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 3. Trần Quốc Vượng (1998), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Toan Ánh (1999), <i>Làng xóm Việt Nam</i> , NXB TP. Hồ Chí Minh. 2. Toan Ánh (2005), <i>Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam</i> (2 quyển), <i>Nếp cũ hội hè đình đám</i> (2 quyển), <i>Nếp cũ con người Việt Nam</i> , <i>Nếp cũ làng xóm Việt Nam</i> , NXB Trẻ. 3. Đặng Việt Bích (2005), <i>Thờ Mẫu - tín ngưỡng truyền thống bản địa Việt Nam</i> , Tạp chí Dân tộc học, số 1.

12	MN S105 3	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	1. Tài liệu bắt buộc 1. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, <i>Các phương pháp nghiên cứu khoa học</i>, Tập bài giảng điện tử, 2015, Phòng Tư liệu Khoa Khoa học quản lý Vũ Cao Đàm, 2. <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục, 2015, Phòng Tư liệu, Viện Chính sách và Quản lý 3. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, <i>Sổ tay hướng dẫn nghiên cứu khoa học dành cho các trường Cao đẳng, Đại học</i>, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013 4. Vũ Cao Đàm, <i>Đánh giá nghiên cứu khoa học</i>, NXB KH&KT, 2011, Phòng Tư liệu, Khoa Khoa học quản lý 5. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i>, NXB ĐHQGHN, in lần thứ 2, 2003, (Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội) 2. Tài liệu tham khảo 1. L.Therese Baker, <i>Thực hành nghiên cứu xã hội</i>, NXB Chính trị quốc gia, 1998 2. Donatella Della Porta and Michael Keating, <i>Approaches and methodologies in the social sciences – A pluralist perspective</i>, Cambrige University Press, 2008, ISBN: 9780521883221 – 9780521709668 3. Gordon Rugg and Marian Petre, <i>A gentle guide to Research Methods</i>, Open University Press, 2007, ISBN: 0335219276 4. Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian Thornhill, <i>Research Methods for Business Students</i>, Fifth edition, Prentice Hall, 2010, ISBN: 9789810697860
----	-----------------	--	---	---

13	PSY 1051	Tâm lí học đại cương	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Quang Uẩn, Tâm lý học đại cương, NXB Đại học Quốc gia. 2. Trần Trọng Thủy (2002), Bài tập thực hành tâm lý học, NXB Đại học Quốc gia. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Phạm Tất Dong, (2000), Tâm lý học đại cương, NXB từ sách đại học từ xa. 2. Nguyễn Đình Xuân (1990), Tâm lý học đại cương, NXB từ sách đại học từ xa. 3. Phạm Minh Hạc (1980), Nhập môn tâm lý học, NXB Giáo dục. 4. Phạm Minh Hạc (1996), Tuyển tập Tâm lý học Piaget, NXB Giáo dục. 5. Nguyễn Khắc Viện (1995), Từ điển tâm lý học, NXB Giáo dục. 6. Phạm Minh Hạc (1988), Tâm lý học (tập 1; 2), NXB Thế giới. 7. Phạm Minh Hạc (1988), Tâm lý học đại cương, NXB Thế giới. 8. Đặng Phương Kiệt (2000), Tâm lý học, tập 1, NXB Tổng cục Chính trị Giáo dục.
14	PHI1 054	Logic học đại cương	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Thuý Vân, Nguyễn Anh Tuấn (2007): <i>Giáo trình Lô gích học đại cương</i>, NXB Đại học Quốc gia. 2. Tập bài tập môn lô gích học đại cương do tổ lô gích biên soạn. 3. Nguyễn Thuý Vân, Nguyễn Anh Tuấn (2003): <i>Lôgic học đại cương</i>. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Vương Tất Đạt (2000), Lô gích học đại cương. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia. 2. TS. Vương Tất Đạt, Bùi Văn Quân, Nguyễn Thị Vân Hà (2006): Phương pháp giải các bài tập của lô gích học; NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Nguyễn Đức Dân (1996): Lôgic và tiếng Việt, Nxb. Giáo dục. 4. Nguyễn Đức Dân (2003): Nhập môn lôgic hình thức, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. 5. Hoàng Chúng (1993): Lôgic học phổ thông, Nxb. Giáo dục.

15	HIS1 053	Lịch sử văn minh thế giới	3	1.Học liệu bắt buộc: 1. Vũ Dương Ninh (2002), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i> , Nxb GD, H. 2. Lương Ninh (2003), <i>Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại</i> , Nxb GD, H. 3. Nguyễn Văn Tân, Hoàng Minh Hoa, Phạm Hồng Việt (1997), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i> , Nxb GD, H. 4. Lương Ninh (cb), <i>Lịch sử thế giới cổ trung đại</i> , Nxb GD, 2003. 5. Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phú (1990), <i>Đại cương lịch sử thế giới cổ đại</i> , Nxb ĐH & GDCN, H.
16	THL 1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Hoàng Thị Kim Quố (2005), Khoa Luật - §'i hãc quèc gia Hụ nẻi, Gi,o tr×nh lý luÛn chung nhự níc vự ph,p luÛt, NXB §'i hãc Quèc gia Hụ nẻi, 2. NguyÔn Cầu ViÔt (1997), Gi,o tr×nh nhự níc vự ph,p luÛt ®'i c÷ng, Nhự xuÊt b¶n §'i hãc Quèc gia Hụ nẻi. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Khoa Luật, §'i hãc Quèc gia Hụ nẻi (2002), Nhự níc vự ph,p luÛt ViÔt Nam tríc thỜm thỜ kù XXI, Nhự xuÊt b¶n C÷ng an nh©n d©n, Hụ nẻi. 2. Khoa Luật, §'i hãc Quèc gia Hụ nẻi (2004), C¶i c, ch t ph,p ẽ ViÔt Nam trong giai ®o'n x©y dừng nhự níc ph,p quyỜn, Nhự xuÊt b¶n §'i hãc Quèc gia Hụ nẻi.
17	INE 1014	Kinh tế học đại cương	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Kinh tế học vi mô, Giáo trình dùng trong các trường Đại học (1997), Cao đẳng khối kinh tế của Bộ GD &ĐT. Nhà XB Giáo dục. 2. Kinh tế học vĩ mô, Giáo trình dùng trong các trường Đại học (1997), Cao đẳng khối kinh tế của Bộ GD &ĐT. Nhà XB Giáo dục. 2. Tài liệu tham khảo: 1. David Begg, S. Fisher, R. Dornbush (1992), Kinh tế học, tập I- Nhà XB Giáo dục. 2. David Begg, S. Fisher, R. Dornbush (1992), Kinh tế học, tập II- Nhà XB Giáo dục. 3. Giáo trình Kinh tế học đại cương, trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

18	EVS 1001	Môi trường và phát triển	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Lê Văn Khoa (2004). Khoa học môi trường. Nxb. Giáo dục. Hà Nội. 2. Lê Quý An (2006). Việt Nam - Môi trường và cuộc sống. Hà Nội. 3. Hành trình vì sự phát triển bền vững 1972-1992-2002 (2002), NXB Chính trị quốc gia. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Luật bảo vệ môi trường của Việt Nam. 2. Nghị định 80/CP/2006 Hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường 3. Nghị định 81/CP/2006 Về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. - GEO 2000 Global Environmental outlook.
19	MAT 1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	1. Tài liệu bắt buộc: - §mo H÷u Hả (2007), Gi, o tr×nh Thèng kª X· héi hăc - NXB Gi, o đóc 2. Tài liệu tham khảo: - §mo H÷u Hả (2006), Thèng kª X· héi hăc – NXB §HQGHN, in lÇn thø 7 - Lincoln L.Chao, Statistics: Methods and Analyses – International Student Edition (1969) (@Ó tham kh¶o thuËt ng÷ tiÕng Anh)
20	LIN 1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Minh thuyỐt, Nguyễn Vãn HiỐp (1996): TiỐng ViỐt thục hụnh- NXB §HQGHN. 2. Nguyễn H÷u §'t (2002): TiỐng ViỐt thục hụnh- NXB §HQGHN. 3. TrÇn TrÝ Dâi (2000): Bụi tËp tiỐng ViỐt thục hụnh- NXB §HQGHN. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Nguyễn §ọc D©n (1995): TiỐng ViỐt (thục hụnh)- NXB §HTHtpHCM. 2. Nguyễn §ọc D©n (1992): C©u sai vµ c©u m¬ hă- NXB GD. 3. TrÇn Ngăc Thªm (1985): HỒ thèng liªn kỐt vãn b¶n tiỐng ViỐt- NXB KHXH-

21	LIB1 050 Nhập môn Năng lực thông tin	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Nghiêm Xuân Huy, 2006, <i>Kiến thức thông tin với giáo dục đại học</i>, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế về Kiến thức thông tin năm 2006 2. Trung tâm học liệu Đại học Huế, 2015, <i>Kỹ năng tìm kiếm và đánh giá thông tin trên Internet</i>, truy cập tại <http://www.lrc-hueuni.edu.vn/guide/WB/Danh_gia_tai_lieu_tren_mang.ppt> 3. Trung tâm học liệu Đại học Huế, 2015, <i>Kỹ năng trích dẫn tài liệu</i>, truy cập tại <http://www.lrc-hueuni.edu.vn/guide/WB/Ky_na ng_trich_dan_tai_lieu27122010.ppt> 4. Trung tâm Thông tin phát triển Việt Nam, 2012, <i>Kỹ năng trích dẫn tài liệu</i>, truy cập tại <http://www.vdic.org.vn/images/stories/data/File/Library/Referencing_skills_v4.pdf> 5. Trung tâm Thông tin phát triển Việt Nam, 2012, <i>Tìm kiếm thông tin trên Internet</i>, truy cập tại <http://www.vdic.org.vn/images/stories/data/File/Library/Internet_searching_v5.pdf> 6. Phần mềm Mendeley, 2015, download tại <https://www.mendeley.com/download-mendeley-desktop/> 7. Hướng dẫn sử dụng phần mềm Mendeley, 2015, truy cập tại <http://community.mendeley.com/guides/videos> 8. Joe Landsberger, 2015, <i>Cẩm nang và chiến lược dành cho học tập</i>, truy cập tại <http://www.studygs.net/vietnamese/> 9. Joe Landsberger, 2015, <i>Tổ chức nghiên cứu và tránh đạo văn</i>, truy cập tại <http://www.studygs.net/vietnamese/writing/plagiarism.htm> 10. Nghiêm Xuân Huy (dịch), 2012, <i>Đánh giá thông tin trên Internet</i>, truy cập tại <http://vietnamlib.net/chuyen-mon-nghiep-vu/dao-tao-nguoi-dung-tin/danh-gia-thong-tin-tren-inter net>
----	--	---	---

22	ANT 1100	Nhân học đại cương	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Emily Schultz and Robert Lavenda (2001), <i>Nhân học: Một quan điểm về tình trạng nhân sinh</i>. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia. 2. Grant Evans (2001), <i>Bức khám văn hóa châu Á: Tiếp cận nhân học</i>. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc. 3. Conrad Phillip Kottak (2006), <i>Hình ảnh nhân học: Lược khảo nhập môn nhân chủng học văn hóa</i>, Nxb. Văn hóa Thông tin. 4. Lê Sỹ Giáo (chủ biên), <i>Dân tộc học đại cương</i>. Nxb Giáo Dục. 5. Đặng Cảnh Khanh – Lê Thị Quý (2007) <i>Gia đình học</i>. Nxb. Lý luận Chính trị. 6. Mai Huy Bích, “Vài nhận xét về vai trò chăm sóc và dạy dỗ của người cha” (<i>Tạp chí Xã hội học</i>, 2003, số 2)
23	PHI1 101	Tôn giáo học đại cương	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Trần Đăng Sinh - Đào Đức Doãn (2005), <i>Giáo trình tôn giáo học</i>, Nxb Đại học Sư phạm. 2. Nguyễn Hữu Vui – Trương Hải Cường (2003), <i>Tập bài giảng Tôn giáo học</i>, Nxb Chính trị Quốc gia. 3. Nguyễn Thanh Xuân (2012), <i>Một số tôn giáo ở Việt Nam</i>, Nxb Tôn giáo. 4. Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo 2. Tài liệu tham khảo: 1. Ph.Ăngghen (1878), <i>Chống Duy-rinh</i>, C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, tập 20, NXB Chính trị Quốc gia (1995), (tr 9 - 450). 2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2006), <i>Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Nam</i>, Nxb Chính trị Quốc gia. 3. Nguyễn Hồng Dương (2001), <i>Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam</i>, NXB Khoa học Xã hội. 4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), <i>Văn kiện Hội nghị lần thứ Bảy Ban chấp hành Trung ương Khóa IX</i>, NXB Chính trị Quốc gia.

24	PSY 2023	Tâm lý học xã hội	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Trần Hiệp (1997), Tâm lý học xã hội, NXB Khoa học Xã hội. 2. Trần Thị Minh Đức (1996), Tâm lý học xã hội, NXB Giáo dục. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Fischer (1992), Những khái niệm cơ bản của tâm lý học xã hội, NXB Thế giới. 2. Đặng Phương Kiệt (1994), Tâm lý học và đời sống, NXB Khoa học Xã hội. 3. Đỗ Long (1991), Tâm lý học xã hội: những lĩnh vực ứng dụng, NXB Khoa học Xã hội. 4. Helmut Kromey (1999), Nghiên cứu xã hội học thực nghiệm, NXB Thế giới. 5. Vũ Dũng (2000), Tâm lý học xã hội, NXB Khoa học Xã hội 6. Trần Thị Minh Đức (2008), Các thực nghiệm trong tâm lý học xã hội, NXB Đại học Quốc gia. 7. Knud S. Larsen, Lê Văn Hảo (2010), Tâm lý học xã hội, NXB Từ điển bách khoa.
25	HIS1 100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Nguyễn Quang Ngọc (2000): <i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục. 2. Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh (1997): <i>Đại cương lịch sử Việt Nam</i>, Tập 1, Nxb Giáo dục. 3. Lê Mậu Hãn (1998): <i>Đại cương lịch sử Việt Nam</i>, Tập 3, Nxb Giáo dục. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn (1961): <i>Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam</i>, Tập 1, Nxb Giáo dục. 2. Phan Huy Lê (1960): <i>Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam</i>, tập 2, Nxb Giáo dục. 3. Phan Huy Lê, Vương Hoàng Tuyên, Chu Thiên, Đinh Xuân Lâm (1965): <i>Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam</i>, tập 3, Nxb Giáo dục. 4. Phan Huy Lê, Bùi Đăng Dũng, Phan Đại Doãn, Phạm Thị Tâm, Trần Bá Chí (1976): <i>Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử Việt Nam</i>, Nxb Quân đội nhân dân. 5. Nguyễn Văn Khánh (2000), <i>Cơ cấu kinh tế- xã hội Việt Nam thời thuộc địa</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

26	PSY 1100	Tâm lý học giao tiếp	2	1. Tài liệu bắt buộc: 1. Lê Thị Bùng (2001), Tâm lý học ứng xử, NXB Giáo dục
27	PSY 1150	Tâm lý học phát triển	3	1. Tài liệu bắt buộc: 2. Trương Thị Khánh Hà (2013), Tâm lý học phát triển, NXB Đại học Quốc gia. 3. Vũ Thị Nho (1999), Tâm lý học phát triển, NXB Đại học Quốc gia. 2. Tài liệu tham khảo: 1. Nguyễn Văn Đồng (2004), Tâm lý học phát triển, NXB Chính trị Quốc gia. 2. Nguyễn Anh Tuyết (2001), Tâm lý học trẻ em, NXB Giáo dục. 3. Patricia H. Miler (2003), Các lý thuyết về tâm lý học phát triển, NXB Văn hóa thông tin. 4. J. Piaget (1998), Tâm lý học trí khôn, NXB Giáo dục. 5. Thời Triệu (2000), Phương pháp giáo dục trẻ con (sách dịch), NXB Đà Nẵng. 6. N.X Lâytex (1978), Năng lực trí tuệ và lứa tuổi, NXB Giáo dục. 7. V.X. Mukhina (1980), Tâm lý học mẫu giáo, NXB Giáo dục.
28	PSY 1151	Tâm lý học sức khỏe	2	1. Tài liệu bắt buộc 1. Tập bài giảng của giảng viên, 2013. 2. Andrew Baum Tracey A. Revenson Jerome E. Singer. <i>Handbook of Health Psychology</i> . Lawrence Erlbaum Associates Publishers. Mahwah, New Jersey London, 2001. 2. Tài liệu tham khảo 1. E. Taylor. <i>Health psychology</i> . Mc Graw Hill, 1999. Phòng đọc Khoa 2. Marian Pitts and Keith Phillips. <i>The Psychology of Health</i> . Reprinted 2001 by Routledge 27 Church Road, Hove East Sussex, BN3 2FA
29	SOC 1050	Xã hội học đại cương	03	1. Tài liệu bắt buộc 1. Anthony Giddens, <i>Sociology</i> , Policy Press, Cambridge, 2009. 2. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên), <i>Xã hội học</i> , Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội Hà Nội, 1997. 3. Lê Ngọc Hùng, <i>Lịch sử và Lý thuyết Xã hội học</i> , Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2002. 4. John Macionis, <i>Sociology</i> , Prentice Hall, New Jersey, 2008.

30	SO W 1100	Công tác xã hội đại cương	03	1. Tài liệu bắt buộc 1. Khoa Xã hội học, <i>Công tác xã hội đại cương</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015 2. Khoa Xã hội học, <i>Công tác xã hội với người khuyết tật</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014
31	SO W 2003	Gia đình học	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Lê Trường An, <i>Tìm hiểu tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình của chế độ tư hữu và Nhà nước”</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 2004. 2. Mai Huy Bích, <i>Xã hội học gia đình</i> . Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003. 3. Robert Lowie, <i>Luận về xã hội học nguyên thủy</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
32	SOC 1100	Sử dụng phần mềm xử lý dữ liệu	02	1. Lê Minh Tiến. <i>Phương pháp thống kê trong nghiên cứu xã hội</i> . Nhà xuất bản trẻ, 2003. 2. Hoàng Trọng, Chu Nguyên Mộng. <i>Ngọc Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS</i> . Nhà xuất bản Hồng Đức, 2008. 3. Nguyễn Công Khanh, <i>Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội</i> . Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2004.
33	SO W 1101	Dân số đại cương	03	1. Tài liệu bắt buộc 1. Tổng Văn Đường (chủ biên) và tập thể tác giả, <i>Giáo trình dân số học</i> (dùng cho sinh viên ngoài ngành dân số), Bộ môn dân số, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 1998 2. Tổng Văn Đường (chủ biên) và tập thể tác giả. 1998. <i>Dân số học</i> (Tài liệu dùng cho lớp bồi dưỡng cán bộ dân số), Trung tâm dân số, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội. 3. Nguyễn Kim Hồng, <i>Dân số học đại cương</i> , Nhà xuất bản Giáo dục, TPHCM, 2000
34	SO W20 04	Hành vi con người và môi trường xã hội	03	1. Tài liệu bắt buộc 1. Đại học mở bán công TP. HCM. Hành vi con người và Môi trường xã hội; Tài liệu tập huấn, 1997, Đại học Fordham – Hoa Kỳ 2. Nguyễn Thị Hồng Nga, <i>Hành vi con người và môi trường xã hội</i> , NXB LĐXH, 2010 3. Patricia H.Miler, <i>Các lý thuyết về tâm lý học phát triển</i> , NXB VHTT, HN 2003 4. Trần Đình Tuấn, <i>Công tác xã hội, Lý thuyết và Thực hành</i> , Nhà xuất bản Đại học Quốc gia. 2009

35	SO W11 02	Phát triển cộng đồng	03	1. Tài liệu bắt buộc 1.Tô Duy Hợp và Lương Hồng Quang, <i>Phát triển cộng đồng – Lý thuyết và vận dụng</i> . Nhà xuất bản Văn hoá – Thông tin. Hà Nội, 2000 2. Nguyễn Thị Oanh, <i>Phát triển cộng đồng</i> . Khoa Phụ nữ học, Đại học Mở bán công Tp. Hồ Chí Minh,1995. 3. Trịnh Văn Tùng và Mai Tuyết Hạnh trong Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Hồi Loan (đồng chủ biên), <i>Công tác xã hội đại cương</i> . 2015. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
36	SOC 3024	Chính sách xã hội	02	1. Tài liệu bắt buộc 1.Bùi Đình Thanh, <i>Xã hội học và Chính sách xã hội</i> , Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004. 2.Diana Kendall, <i>Social Problems in a Diverse Society</i> , Pearson, Boston, 2004. 3.Nguyễn Tiệp (Chủ biên), Phạm Hồng Trang, Nguyễn Lê Trang, <i>Giáo trình Chính sách Xã hội</i> , Nhà Xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2011. 4.Mai Ngọc Cường, <i>Một số vấn đề cơ bản về chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay</i> , Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013.
37	SOC 3006	Xã hội học truyền thông đại chúng và dự luận xã hội	03	1.Trần Hữu Quang. 2005. <i>Xã hội học báo chí</i> . Nhà xuất bản Trẻ. 2. Philippe Breton, Serge Proulx. 1996. <i>Sự bùng nổ truyền thông</i> . Nhà xuất bản Văn hoá. 3. Nguyễn Quý Thanh, <i>Xã hội học về dư luận xã hội</i> . Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội, 2007 4. Trung tâm nghiên cứu dư luận xã hội, <i>Nghiên cứu sử dụng và định hướng dư luận xã hội</i> , Ban văn hoá tư tưởng TW, 1999.
38	SO W30 45	Công tác xã hội với người nghèo	3	1. Tài liệu bắt buộc 1.Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, <i>Tài liệu tập huấn cán bộ làm xoá đói giảm nghèo</i> . Hà Nội, 2004. 2.Xoá đói giảm nghèo với tăng trưởng kinh tế - Nhà xuất bản Lao động Xã hội -Hà nội, 1997. 3. <i>Vấn đề nghèo ở Việt Nam</i> – Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Hà Nội, 1996.

39	SOC 3039	Lịch sử và lý thuyết xã hội học	05	1. Tài liệu bắt buộc 1. Lê Ngọc Hùng, <i>Lịch sử và Lý thuyết Xã hội học</i> , Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2002. 2. Endruweit, Guter (chủ biên), <i>Các lý thuyết xã hội học hiện đại</i> , Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 1999. 3. George Ritzer, <i>Contemporary Sociological Theory and its Classical Roots</i> , McGrawHill, Boston, 2003.
40	SOC 3040	Phương pháp nghiên cứu Xã hội học	04	1. Tài liệu bắt buộc 1. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, 2001. <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i> . NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội. 2. Beker, Th. L, 1994. <i>Thực hành nghiên cứu xã hội</i> (Tô Văn, Hồng Quang, Lê Mai tuyển chọn và dịch). NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1998. 3. Capitonov, 2000. <i>Xã hội học thế kỷ XX</i> (Nguyễn Quý Thanh-biên dịch). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 4. Vũ Cao Đàm, 2005, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i> . Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội 5. Kromney, H., 1999. <i>Nghiên cứu xã hội học thực nghiệm</i> (Đặng Cảnh Khanh, Nguyễn An Lịch, Trịnh Duy Luân, tuyển chọn và biên dịch). Nxb Thế giới, Hà Nội
41	SOC 3009	Xã hội học quản lý	03	1. Tài liệu bắt buộc 1. Vũ Hào Quang, <i>Xã hội học quản lí</i> , Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2004. 2. Trịnh Văn Tùng (bản dịch) từ Claude Lafaye, <i>Xã hội học tổ chức</i> , Nxb. Seuil, Paris, 2006
42	SOC 3041	Xã hội học về giới	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Hoàng Bá Thịnh (2008, 2014): Giáo trình Xã hội học Giới; Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2. Hoàng Bá Thịnh (2010) Xã hội học Sức khỏe (Sách chuyên khảo). 2010. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 3. Hoàng Bá Thịnh (chủ biên) (2005): Bạo lực giới trong gia đình ở Việt Nam và vai trò truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ; Nxb Thế giới, Hà Nội.

43	SOC 3007	Xã hội học gia đình	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Steven L.Nock. 1987. Sociology of the Family... Univcity of Virginia. 1987 by Pxentce Hall.Inc. 2. Brent C. Miller. 1986. Family Research Methods.. Sage Publications. 1986 3. Mai Huy Bích.2003. Xã hội học gia đình..NXBKHXH, Hà Nội, 2003. 4. Mai Quỳnh Nam chủ biên, 2002. Gia đình trong tấm gương xã hội học.. NXB KHXH. Hà Nội, 2002 5.Vũ Tuấn Anh và Trần Thị Vân Anh. Lịch sử và triển vọng phát triển kinh tế hộ., NXBKHXH. Hà Nội, 1997
44	SOC 3042	Xã hội học nông thôn	03	1. Tài liệu bắt buộc 1. Tổng văn Chung, Xã hội học nông thôn, Hà nội, Nxb ĐH QGHN , 2001 2. Tô Duy Hợp (chủ biên) Xã hội học nông thôn. Nxb KHXH, Hà Nội, 1997 3. Nguyễn Đức Truyền, Kinh tế hộ nông dân và các quan hệ xã hội vùng Đồng bằng sông Hồng, Hà nội, Nxb KHXH, 2003. 4. Nguyễn Đức Truyền, « Chiến lược nông dân ở Việt nam trong thời kỳ chuyển sang kinh tế thị trường », trong: Nông dân, Nhà nước và thị trường, xã hội nông dân và phát triển (Les paysans, l'Etat et le marché, Société paysanne et le développement) Chủ biên : Maxime Haubert), trang 137-152. Paris. NXB Sorbonne.1/1997. 5. Nguyễn Đức Truyền, “Kinh tế hộ gia đình và quan hệ xã hội nông thôn Đồng bằng sông Hồng”, trong Mai Quỳnh Nam (chủ biên) : Gia đình trong tấm gương xã hội học , NXB Khoa học xã hội, Hà nội, 2002.

45	SOC 3002	Xã hội học đô thị	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Trịnh Duy Luân , <i>Xã hội học đô thị</i> , Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội, 2004 2. Trịnh Duy Luân, Michael Leaf, <i>Vấn đề nhà ở đô thị trong nền kinh tế thị trường của thế giới thứ ba</i> . Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996. 3. Chung Á, Nguyễn Đình Tấn (1998), <i>Nghiên cứu xã hội học</i> . Nhà xuất bản chính trị QG. 4. Trịnh Duy Luân và Hans Shenk (Chủ biên), 2000, <i>Nơi ở và cuộc sống của cư dân Hà Nội</i> . Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin. Hà Nội. 5. Trịnh Duy Luân. 1991. <i>Những cơ sở cho việc xác lập hệ vấn đề nghiên cứu xã hội học đô thị ở Việt Nam</i> . Tạp chí Xã hội học, số 3/1991. Hà Nội.
46	SOC 3011	Xã hội học dân số	03	1. Tài liệu bắt buộc 1. Đặng Nguyên Anh (2007), <i>Xã hội học dân số</i> , NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 2. Nguyễn Thị Kim Hoa (2007), <i>Giáo trình Xã hội học dân số (đã nghiệm thu)</i> 3. Nguyễn Minh Thắng (1998), <i>Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu xã hội học và dân số</i> , NXB Khoa học xã hội, Hà Nội. 4. Phạm Bích San (1998), <i>Giáo trình Phương pháp xã hội học trong nghiên cứu dân số và kế hoạch hoá gia đình</i> . 5. Nguyễn Quốc Anh (2003), <i>Hoàn thiện hệ thống thông tin Quản lý dân số ở Việt Nam</i> , NXB Lao động, Hà Nội.
47	SOC 3013	Xã hội học sức khỏe	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Hoàng Bá Thịnh <i>Xã hội học Sức khỏe</i> ; Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010 2. Hoàng Bá Thịnh (chủ biên): <i>Bạo lực gia đình ở Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ</i> ; Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, 2005 3. Hoàng Bá Thịnh: <i>Một số nghiên cứu về sức khỏe sinh sản ở Việt Nam sau Cairo</i> ; Nxb CTQG, Hà Nội, 1999

48	SOC 3015	Xã hội học môi trường	02	1. Nguyễn Tuấn Anh, <i>Giáo trình Xã hội học Môi trường</i>, Nhà Xuất Bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2011. 2. John Hannigan, <i>Environmental Sociology</i>, Routledge, Oxon, 2006.
49	SOC 3005	Xã hội học văn hoá	03	1. Tài liệu bắt buộc 1. Đoàn Văn Chúc: <i>Xã hội học văn hoá</i>, NXB Văn hoá thông tin 1997 2. Mai Văn Hai, Mai Kiệm: <i>Xã hội học văn hoá</i>, NXB KHXH 2003. 3. Mai Thị Kim Thanh: <i>Xã hội học văn hoá</i>, NXB Giáo dục 2010. 4. Trường Lưu : Văn hóa một số vấn đề lý luận - NXB CTQG, 1999.
50	SOC 3012	Xã hội học giáo dục	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Lê Ngọc Hùng, Xã hội học giáo dục, NXB Lý luận Chính trị. Hà Nội 2006 2. Phạm Minh Hạc, Trần Kiều, Đặng Bá Lãm. Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI (sách tham khảo) NXB ĐHQG Tp Hà nội, 2002. 3. Nguyễn Thị Thu Hà. Những vấn đề xã hội của giáo dục trong điều kiện quá độ sang kinh tế thị trường: khía cạnh cơ cấu xã hội. Luận án Tiến sĩ Xã hội học. Matxcova 2001. Tiếng Nga) 4. V.I. Starôverôp, Nguyễn Thị Thu Hà. Giáo dục Việt nam trong điều kiện kinh tế thị trường. Moskva, 2001. 5. V.I. Starôverôp và Nguyễn Thị Thu Hà. Chính sách xã hội định hướng Xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh cải tổ giáo dục của cơ chế thị trường. Moskva, 2001.
51	SOC 3051	Xã hội học kinh tế	03	1. Tài liệu bắt buộc 1. Lê Ngọc Hùng, <i>Xã hội học kinh tế</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2009. 2. Trịnh Văn Tùng (bản dịch) từ Didier Lebert, Xã hội học kinh tế, Nxb. Decouverte, Paris, 2012.

52	SOC 3020	Xã hội học tôn giáo	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Sabino Acquaviva & Enzo Pace (1998). Xã hội học tôn giáo. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội. 2. Emile Durkheim (1996), “Định nghĩa về hiện tượng tôn giáo và về tôn giáo”, Một vài vấn đề về xã hội học và nhân loại học, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 75-166. 3. Nguyễn Duy Hinh (1993), “Vài nhận thức sơ bộ về phương pháp điều tra tôn giáo học ở Hà Nội”, Chính sách xã hội – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam – Chương trình KH-CN cấp nhà nước KX-04, tr. 321-356. 4. Mác, Angghen, Lênin – Bàn về tôn giáo và chủ nghĩa vô thần (2001). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. 5. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1994). Về Tôn giáo (Tập 1). Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Hà Nội, tr 11-44, 115-191.
53	SOC 3016	Xã hội học du lịch	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Văn Lê , <i>Xã hội học Du lịch</i>, Nxb. Trẻ TP. Hồ Chí Minh, 1996 2. Đồng Ngọc Minh – Vương Lôi Đình, <i>Kinh tế du lịch và du lịch học</i>, Nxb. Trẻ TP. Hồ Chí Minh, 2000 3. Quốc hội nước CHXHCNVN, <i>Luật Du lịch</i>, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005 4. Trần Đức Thanh, <i>Nhập môn Khoa học Du lịch</i>, Nxb. Đại học Quốc Gia, Hà Nội, 2000 5. Trịnh Văn Tùng (tập bài giảng), <i>Xã hội học du lịch</i>, Hà Nội, 2015
54	SOC 3013	Xã hội học sức khỏe	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Hoàng Bá Thịnh (2010): Xã hội học Sức khỏe; Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2. Hoàng Bá Thịnh (chủ biên, 2005): Bạo lực gia đình ở Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ; Nxb Thế giới, Hà Nội 3. Hoàng Bá Thịnh (1999): Một số nghiên cứu về sức khỏe sinh sản ở Việt Nam sau Cairô; Nxb CTQG, Hà Nội.

55	SOC 3052	Xã hội học pháp luật và tội phạm	03	1. Tài liệu bắt buộc 1.Nguyễn Thị Như Trang <i>Xã hội học pháp luật và tội phạm</i> , tập bài giảng, 2014 2. Kulcsar Kalmal (Đức Uy biên dịch), <i>Cơ sở của xã hội học pháp luật</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999. 3. Montesquieu, <i>Tinh thần pháp luật</i> (1784),Nxb Giáo dục, Hà Nội, bản dịch 1996.
56	SOC 3053	Xã hội học tổ chức và quản lý nguồn nhân lực	02	1. Tài liệu bắt buộc 1.Lê Ngọc Hùng, <i>Xã hội học quản lý</i> , Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004. 2.Trịnh Văn Tùng, <i>Quản lí lao động và việc làm</i> (tập bài giảng) từ Roger Aïm, <i>Quản lí có dễ dàng chăng?</i> , Nxb. Seuil, Paris, 2006. 3.Trịnh Văn Tùng, <i>Cốt lõi của các lý thuyết về tổ chức</i> (tập bài giảng). 4.Trịnh Văn Tùng (bản dịch) từ Claude Lafaye, <i>Xã hội học tổ chức</i> , Nxb. Seuil, Paris, 2006.
57	SOC 3054	Xã hội học lao động - nghề nghiệp	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Lê Ngọc Hùng, <i>Xã hội học trong quản lý</i> , Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004 2. Trịnh Văn Tùng, <i>Quản lí lao động và việc làm</i> (tập bài giảng) từ Roger Aïm, <i>Quản lí có dễ dàng chăng?</i> , Nxb. Seuil, Paris, 2006. 3. Trịnh Văn Tùng, <i>Cốt lõi của các lý thuyết về tổ chức</i> (tập bài giảng). 4. Trịnh Văn Tùng (bản dịch) từ Claude Lafaye, <i>Xã hội học tổ chức</i> , Nxb. Seuil, Paris, 2006.

58	SOC 3004	Xã hội học chính trị	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Mác, Ăngghen, Lênin tuyển tập, Lênin toàn tập, tập 23, tập 33, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật, 1999 2. Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà xuất bản Lao động – xã hội, 2011 3. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyển tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật, 1999 Góp phần nhận thức thế giới đương đại: Nguyễn Đức Bình, Lê Hữu Nghĩa, Trần Hữu tiến, NXB CTQG - 2006 4. Một số vấn đề xây dựng và cải cách nề hành chính nhà nước VN: Đoàn Trọng Tuyển, NXB CTQG - HN, 1996 5. Văn kiện Đại hội Đảng CSVN lần thứ VI, VII, VIII, IX, X – NQ 5/ Khóa 10
59	SOC 3014	Xã hội học cộng đồng	03	1. Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Văn Sáu, Hồ Văn Thông (chủ biên); Cộng đồng làng xã Việt Nam hiện nay; NXB Chính trị quốc gia, HN 2001. 2. Tô Duy Hợp, Lương Hồng Quang; phát triển cộng đồng, lý thuyết và vận dụng. NXB văn hoá thông tin, HN 2000. 3. Nguyễn Hoàng Trí; Sinh thái học nhân văn (con người và môi trường), NXB Giáo Dục, 2001. 4. Nguyễn Bá Ngã, Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn, Trường Đại học Lâm nghiệp, 2001. 5. Hoàng Hình, Bài giảng Xã hội học cộng đồng, ĐHKHXH&NV.
60	SOC 3034	Xã hội học thanh niên	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Đặng Cảnh Khanh: <i>Xã hội học thanh niên</i> . NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006. 2. Đặng Cảnh Khanh: <i>Hội nhập quốc tế thanh niên</i> , Đề tài cấp bộ, Viện Nghiên cứu Thanh niên, Hà Nội, 2002 3. Đặng Vũ Cảnh Linh: <i>Vị thành niên và chính sách vị thành niên</i> . NXB Lao động- xã hội, Hà Nội, 2006.

61	SOC 3032	Lồng ghép giới trong dự án phát triển	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Lê Ngọc Hùng-Nguyễn Thị Mỹ Lộc (đồng chủ biên). <i>Xã hội học về giới và phát triển</i>, NXB ĐHQG, 2000. 2. Nguyễn Thị Hiền- Lê Ngọc Hùng. <i>Nâng cao năng lực phát triển bền vững. Bình đẳng giới giảm nghèo.2004</i>. NXB lý luận chính trị 3. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. 1998. <i>Tập huấn về giới. Tài liệu dành cho giảng viên</i>. (Chính phủ Hà Lan tài trợ) 4. Ngân hàng thế giới, <i>Đưa vấn đề giới vào phát triển</i>. NXB Văn hoá thông tin, 2001 5. Uỷ ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ, 2004, <i>Hướng dẫn lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách</i>, NXB Văn hoá thông tin, 2001
62	SOC 3017	Xã hội học khoa học và công nghệ	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, <i>Xã hội học Khoa học và Công nghệ</i> , Tập bài giảng điện tử, 2015. 2. Vũ Cao Đàm, Đào Thanh Trường, <i>Tập bài giảng môn Xã hội học Khoa học và Công nghệ</i>, 2015 3. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục, 2015 4. Hoàng Đình Phú, <i>Khoa học, Công nghệ và các Giá trị văn hoá</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1998 5. Barber B.: Science and Social Order, The Free Press, Illinois, 1952. (Giảng viên 6. Brian Wynne, “Misunderstood Misunderstanding: Social identities and public
63	SOC 4056	Thiết kết nghiên cứu xã hội học	02	1. Tài liệu bắt buộc 1. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB ĐHQG 2011 2. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2011), <i>Phương pháp nghiên cứu Xã hội học</i>, NXB ĐHQG HN. 3. Viện Hàn lâm khoa học Liên xô-Viện nghiên cứu xã hội học “Những cơ sở nghiên cứu xã hội học”, 1988 4. Therese L.Baker “Thực hành nghiên cứu xã hội”, 1998 5. Joachim Matthes “Một số vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu con người và xã hội”, Hà Nội, 1994. 6. Therese L.Baker “Doing Social Research”, 1994

64	SOC 4058	Lý thuyết xã hội học kinh điển	02	1. Lê Ngọc Hùng, <i>Lịch sử và Lý thuyết Xã hội học</i>, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2002. 2. Ritzer, George, <i>Contemporary Sociological Theory and its Classical Roots</i>, McGrawHill, Boston, 2003. 3. Ritzer, George and Dauglas J Goodman, <i>Classical Sociological Theory</i>, McGraw-Hill, New York, 2004.
----	-------------	---	----	---

5. Đội ngũ cán bộ giảng dạy (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
1.	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 1	2	Dương Văn Thịnh	PGS.TS	Triết học	Khoa Triết học
2.	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin 2	3	Lại Quốc Khánh Luu Minh Văn	PGS.TS PGS.TS	Chính trị học	Khoa Khoa học chính trị
3.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Ngô Đăng Tri	PGS.TS	Lịch sử	Khoa Lịch sử
4.	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Vũ Thị Phụng	PGS.TS.		Khoa TTTV
5.	INT1004	Tin học cơ sở	3	Dương Văn Thịnh Đặng Thị Lan	PGS.TS PGS.TS	Triết học	Khoa Triết học
6.	FLF1105 FLF1205 FLF1305 FLF1405	Ngoại ngữ A1 Tiếng Anh A1 Tiếng Nga A1 Tiếng Pháp A1 Tiếng Trung A1	4	Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG			
7.	FLF1106 FLF1206 FLF1306 FLF1406	Ngoại ngữ A2 Tiếng Anh A2 Tiếng Nga A2 Tiếng Pháp A2 Tiếng Trung A2	5	Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG			
8.	FLF1107 FLF1207 FLF1307 FLF1407	Ngoại ngữ B1 Tiếng Anh B1 Tiếng Nga B1 Tiếng Pháp B1 Tiếng Trung B1	5	Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG			
9.		Ngoại ngữ B2	5	Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG			
	FLF1108	Tiếng Anh B2					
	FLF1208	Tiếng Nga B2					
	FLF1308	Tiếng Pháp B2					
	FLF1408	Tiếng Trung B2					

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
10.		Giáo dục thể chất	4	Trung tâm GD thể chất			ĐHQG
11.		Giáo dục quốc phòng-an ninh	7	Trung tâm GD Quốc phòng			ĐHQG
12.		Kĩ năng mềm	3	Đại học Quốc gia HN			Đại học Quốc gia HN
13.	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Lâm Mỹ Dung	PGS.TS	Lịch sử	Khoa Lịch sử
14.	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Vũ Cao Đàm Đào Thanh Trường	PGS.TS TS	XHH XHH	Khoa học quản lý
15.	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	Trương Thị Khánh Hà Nguyễn Văn Lượ	PGS.TS TS	Tâm lý học	Khoa Tâm lý học
16.	PHI1051	Logic học đại cương	3	Nguyễn Thúc Vn Nguyễn Anh Tuấn	PGS.TS PGS.TS	Triết học	Khoa Triết học
17.	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	Nguyễn Văn Kim	PGS.TS	Lịch sử	Khoa Lịch sử
18.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	Hoàng Thị Kim Quế Nguyễn Minh Tuấn	PGS.TS ThS	Luật	Khoa Luật, ĐHQGH N
19.	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	Nguyễn Tuấn Anh Nguyễn Thu Hà	PGS.TS PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
20.	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	Khoa Kinh tế			ĐHQGH N
21.	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	Nguyễn Thị Phương Loan	GVC	Môi trường & Phát triển	Đại học KHTN
22.	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	Đào Hữu Hồ Trần Mạnh Cường	GS.TS ThS	Toán học	Đại học KHTN
23.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	Đặng Thanh Lan Trần Trí Dồi	PGS.TS GS.TS	Ngôn ngữ học	Khoa Ngôn ngữ
24.	LIB1050	Nhập môn Năng lực thông tin	2	Nguyễn Xuân Huy	TS	Tin học	Ban KH&CN ĐHQGH N
25.	SOW1100	Công tác xã hội đại cương	3	Nguyễn Thị Kim Hoa Đặng Kim Khánh Ly	PGS.TS ThS	Xã hội học	Khoa Xã hội học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
26.	ANT1100	Nhân học đại cương	3	Lâm Bá Nam Lê Sỹ Giáo	PGS.TS PGS.TS	Dân tộc học	Khoa Nhân học
27.	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	Trần Kim Oanh Nguyễn Hữu Thụ	TS ThS	Triết học	Khoa Triết học
28.	PSY2023	Tâm lý học xã hội	3	Hoàng Mộc Lan Trịnh Thị Linh	PGS,TS TS	Tâm lý học	Khoa Tâm lý học
29	SOW2003	Gia đình học	2	Lê Thái Thị Băng Tâm Lê Thị Quý	ThS GS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
30	SOC1100	Sử dụng phần mềm xử lý dữ liệu	2	Lê Thái Thị Băng Tâm	ThS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
31	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	Vũ Văn Quân Nguyễn Đình Lê	PGS.TS PGS.TS	Lịch sử	Khoa Lịch sử
32	SOW1101	Dân số học đại cương	3	Nguyễn Thị Kim Hoa Bùi Quỳnh Như	PGS.TS ThS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
33	PSY1100	Tâm lý học giao tiếp	2	Hoàng Mộc Lan Nguyễn Hạnh Liên	PGS,TS ThS	Tâm lý học	Khoa Tâm lý học
34	PSY1150	Tâm lý học phát triển	3	Trương Thị Khánh Hà Trịnh Thị Linh	PGS,TS TS	Tâm lý học	Khoa Tâm lý học
35	SOW2004	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	Nguyễn Hồi Loan	PGS.TS	Tâm lý học	Khoa XHH
36	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	Trịnh Văn Tùng Nguyễn Thu Trang	PGS.TS ThS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
37	PSY1151	Tâm lý học sức khỏe	2	Nguyễn Minh Hằng Trần Thu Hương	PGS.TS PGS.TS	Tâm lý học	Khoa Tâm lý học
38	SOC3024	Chính sách xã hội	2	Nguyễn Tuấn Anh	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
39	SOC3006	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	3	Nguyễn Quý Thanh Mai Quỳnh Nam	PGS.TS PGS.TS	Xã hội học	-Viện Đào tạo bảo chất lượng ĐHQGHN - Viện Xã hội học
40	SOW3045	Công tác xã hội với người nghèo	3	Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
41	SOC3039	Lịch sử và Lí thuyết xã hội học	5	Nguyễn Tuấn Anh	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
42	SOC3040	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	4	Phạm Văn Quyết	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
43	SOC3009	Xã hội học quản lí	3	Trịnh Văn Tùng	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
44	SOC3041	Xã hội học giới	2	Hoàng Bá Thịnh	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
45	SOC3007	Xã hội học gia đình	2	Lê Thái Thị Băng Tâm	ThS. GVC	Xã hội học	Khoa Xã hội học
46	SOC3042	Xã hội học nông thôn	3	Nguyễn Đức Truyền	TS	Xã hội học	Viện Xã hội học
47	SOC3002	Xã hội học đô thị	2	Trịnh Văn Tùng	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
48	SOC3011	Xã hội học dân số	3	Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
49	SOC3015	Xã hội học môi trường	2	Nguyễn Tuấn Anh	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
50	SOC3005	Xã hội học văn hóa	2	Mai Thị Kim Thanh	TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
51	SOC3012	Xã hội học giáo dục	2	Nguyễn Thị Thu Hà	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
52	SOC3020	Xã hội học tôn giáo	2	Hoàng Thu Hương	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
53	SOC3016	Xã hội học du lịch	2	Trịnh Văn Tùng	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
54	SOC3013	Xã hội học sức khỏe	2	Hoàng Bá Thịnh	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
55	SOC3052	Xã hội học pháp luật và tội phạm	3	Nguyễn Thị Như Trang	TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
56	SOC3053	Xã hội học tổ chức và Quản lí nguồn nhân lực	2	Trịnh Văn Tùng	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
57	SOC3054	Xã hội học lao động - nghề nghiệp	3	Trương An Quốc	TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
58	SOC3004	Xã hội học chính trị	2	Nguyễn Văn Đáng	ThS	Xã hội học	Học viện CT- HC QG HCM
59	SOC3014	Xã hội học cộng đồng	2	Trịnh Văn Tùng	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
60	SOC3034	Xã hội học thanh niên	2	Nguyễn Thị Kim Hoa	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
61	SOC3032	Lồng ghép giới trong các dự án phát triển	2	Lê Thái Thị Băng Tâm	ThS. GVC	Xã hội học	Khoa Xã hội học
62	SOC3017	Xã hội học khoa học và công nghệ	2	Đào Thanh Trường	TS	Xã hội học	Khoa học quản lý
63	SOC4056	Thiết kế nghiên cứu xã hội học	3	Nguyễn Thị Thu Hà	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học
64	SOC4058	Lý thuyết xã hội học kinh điển	2	Nguyễn Tuấn Anh	PGS.TS	Xã hội học	Khoa Xã hội học

5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo(tiến trình đào tạo)

Kỳ I:

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số tiết/tuần	Tiêu quyết	Học phần học trước
M.I	Bắt buộc					
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2		
2	INT1004	Tin học cơ sở	3	3		
M.II	Bắt buộc					
3	PSY1051	Tâm lý học đại cương	3	3		
4	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	3		
5	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	3		
M.III	Bắt buộc					
6	SOW1100	Công tác xã hội đại cương	3	3		
M.II	Tự chọn					
7		Chọn 1 học phần	2	2		
		Tổng cộng	19			

Kỳ 2:

TT		Tên học phần	Số TC	Số tiết / tuần	Tiêu quyết	Học phần học trước
M.I	Bắt buộc					
8	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3	PHI1004	PHI1004
M.II	Bắt buộc					
9	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3		
10	PHI1054	Logic học đại cương	3	3		
11	ANT1100	Nhân học đại cương	3	3		
M.II	Tự chọn					
12		Chọn 1 học phần	2	2		
13		Chọn 1 học phần	2	2		
M.III	Tự chọn					
14		Chọn 1 học phần	3	3		
		Tổng	19			

Kỳ 3:

TT		Tên học phần	Số TC	Số tiết / tuần	Tiêu quyết	Học phần học trước
----	--	--------------	-------	----------------	------------	--------------------

M.I	Bắt buộc					
15	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	PHI1005	PHI1005
M.II	Bắt buộc					
16	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		
17	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2	PHI1004	PHI1004
M.III	Bắt buộc					
18	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	3		
M.V	Bắt buộc					
19	SOC3039	Lịch sử và Lí thuyết xã hội học	5	5	SOC1051	SOC1051
20	SOC3040	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	4	4	SOC1051	SOC1051
		Tổng cộng	19			

Kỳ 4:

TT		Tên học phần	Số TC	Số tiết / tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
M.I	Bắt buộc					
21	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	POL1001	POL1001
M.III	Bắt buộc					
22	PSY2023	Tâm lí học xã hội	3	3		PSY1051
M.IV	Bắt buộc					
23	PSY1150	Tâm lí học phát triển	3	3	PSY1050	PSY1051
M.V	Bắt buộc					
24	SOC3042	Xã hội học nông thôn	3	3	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
25	SOC3041	Xã hội học giới	2	2	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
M.IV	Tự chọn					
26		Chọn 1 học phần	3			
		Tổng cộng	17			

Kỳ 5:

TT		Tên học phần	Số TC	Số tiết / tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
M.III	Tự chọn					
27		Chọn 1 học phần	2	2		
M.IV						
	Bắt buộc					
28	PSY1150	Tâm lý học phát triển	3	3	PSY1050	PSY1051

29	SOW200 4	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	3	SOW1100	SOW1100
<i>M.V</i>	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	3		
<i>M.V</i>	Bắt buộc					
30	SOC3002	Xã hội học đô thị	2	2	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
31	SOC3011	Xã hội học dân số	3	3	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
32	SOC3015	Xã hội học môi trường	2	2	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
		Tổng cộng	16			

Kỳ 6:

TT		Tên học phần	Số TC	Số tiết / tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
<i>M.V</i>	Bắt buộc					
33	SOC3005	Xã hội học văn hóa	2	2	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
34	SOC3009	Xã hội học quản lí	3	3	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
35	SOC3007	Xã hội học gia đình	2	2	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
36	SOC3012	Xã hội học giáo dục	2	2	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
<i>M.VI</i>	Bắt buộc					
37	SOC4055	Thực tập phương pháp	5		SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
		Tổng cộng	15			

Kỳ 7:

TT		Tên học phần		Số tiết / tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
<i>M.V</i>	Tự chọn					
38		Chọn 1 học phần	2	2	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
39		Chọn 1 học phần	3	3	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
40		Chọn 1 học phần	2	2	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
41		Chọn 1 học phần	3	3	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
		Tổng cộng	10			

Kỳ 8:

TT		Tên học phần		Số tiết / tuần	Tiên quyết	Học phần học trước
<i>M.VI</i>	Bắt buộc					
42	SOC4052	Thực tập tốt nghiệp	3		SOC4055	SOC4055
43	SOC4053	Khóa luận tốt nghiệp	5		SOC4055	SOC4055

44	SOC4056	Thiết kế nghiên cứu xã hội học	3	3	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
45	SOC4058	Lý thuyết xã hội học kinh điển	2	2	SOC3039 SOC3040	SOC3039 SOC3040
		Tổng cộng	8			

b. Các yêu cầu thực hiện chương trình:

- Việc học ngoại ngữ ở khối kiến thức chung theo thời khóa biểu của nhà trường tổ chức là bắt buộc nếu Sv không có chứng chỉ ngoại ngữ đạt chuẩn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Điều kiện để SV đăng kí học phần ngoại ngữ chuyên ngành là SV phải hoàn thành kiến thức ngoại ngữ cơ sở theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Điều kiện để SV được phân theo chuyên ngành: Không có.
- Điều kiện để SV đăng kí các học phần thực tập:
 - + Thực tập phương pháp theo hình thức tập trung (05 TC): SV phải hoàn thành toàn bộ các học phần của 06 học kì đầu.
 - + Thực tập tốt nghiệp theo hình thức cá nhân tự liên hệ (03 TC): SV phải hoàn thành toàn bộ các học phần của 07 học kì đầu.
- Các học phần có yêu cầu sử dụng phần mềm chuyên ngành trong học tập: 01 học phần là *Sử dụng phần mềm xử lý dữ liệu* (SOC1100).

c. Một số hướng dẫn khác

- SV cần tìm hiểu kĩ mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo này để tăng cường đam mê và động cơ học tập.
- SV cần tìm hiểu kĩ các vị trí việc làm và các lĩnh vực nghề nghiệp để xác định khối kiến thức và kĩ năng cần thiết cần học tập và rèn luyện để hội nhập nhanh và tốt vào thị trường lao động.
- Trong 04 học kì đầu, SV nên đăng kí số tín chỉ như trong tiến trình này (18-19 tín chỉ) và trong các học kì 5,6 và 7, SV nên đăng kí 16 TC và đối với học kì sau cùng, SV nên đăng kí 8 tín chỉ. Lưu ý: Đối với những sinh viên đủ khả năng, có kết quả học tốt ở 4 học kì đầu, có thể đăng kí từ 19-24 tín chỉ ở các học kì 5,6 và 7 để tốt nghiệp sớm.
- Các học phần quan trọng của mỗi học kì có khả năng ảnh hưởng đến tiến trình học tập: SV cần lưu ý các học phần tiên quyết.
- Sinh viên nên học giáo dục quốc phòng vào dịp hè sau học kì thứ 2 và học kì thứ 4.
- Chỉ nên học vượt khi đã tích lũy các học phần đại cương, lịch sử, lí thuyết và phương pháp của ngành.

6. So sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với một chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (đã sử dụng để xây dựng chương trình)

6.1. Giới thiệu về chương trình được đối chiếu

- Tên trường: Đại học Stanford, Mỹ
- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành): Xã hội học (Sociology)

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân Xã hội học (Bachelor of Arts in Sociology)
- Xếp hạng của trường
 - Trên thế giới: 2/200.
 - Xếp hạng ngành Xã hội học: 6/200
- Tổng số môn: 27 môn
- Số học phần giống với các môn chuyên ngành XHH trong chương trình chuẩn đầu ra: 9
- Số môn của giống với các môn trong khối kiến thức ngành XHH: 9 môn
- Tỷ lệ các học phần trong khung chương trình đào tạo cử nhân ngành XHH giống với các học phần trong khung chương trình đào tạo ngành XHH của Đại học Stanford University là 30%. Cụ thể như sau:

6.2 So sánh nội dung chương trình

15 học phần giữa Đại học Standford với các học phần trong chương trình đào tạo theo CDR ngành XHH (chỉ tính các môn liên quan đến nội dung chuyên ngành CTXH)

<i>Tên học phần</i>	Tên học phần trong chương trình đào tạo nước ngoài	Tóm tắt nội dung học phần	Sự khác biệt giữa 2 chương trình đào tạo giống và khác nhau
<i>Lịch sử và Lý thuyết Xã hội học</i> <i>Sociological History and Theory</i>	Classics of Modern Social Theory <i>Các tác phẩm kinh điển về lý thuyết xã hội học</i>	Cung cấp cho người học các tri thức về sự phát triển của lý thuyết xã hội học từ cổ điển đến đương đại. Phát triển các câu hỏi về “lý thuyết xã hội học là gì” và mối quan hệ của nó với các phân tích về nền tảng triết lý cũng như các nghiên cứu ứng dụng. Các tác giả bao gồm Weber, Durkheim, Simmel, Dewey, Parsons, và Merto	<i>Giống:</i> Quá trình hình thành và phát triển của xã hội học thế giới và Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử phát triển của thế giới và khu vực, các nhà xã hội học tiêu biểu của các giai đoạn, một số khuynh hướng trường phái xã hội học hiện đại. Giới thiệu những quan điểm, nội dung chủ yếu của các lý thuyết xã hội học xuất hiện từ đầu thế kỷ XX (chủ yếu từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất) đến nay; quá trình hình thành; mức độ phổ biến, việc sử dụng và xu hướng biến đổi của chúng cũng như mối liên hệ của chúng với các lý thuyết xã hội học kinh điển. <i>Khác:</i> Có phát triển nhấn mạnh đến lịch sử hình thành của Xã hội học nói chung
Phương pháp nghiên cứu Xã hội học <i>Sociological Research Method</i>	Foundations of Social Research <i>Nền tảng cơ bản về nghiên cứu Xã hội học</i>	Học phần cung cấp các nền tảng triết lý và thực hành của nghiên cứu xã hội học. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và công cụ trong quá trình nhận thức và tìm hiểu. Thiết lập các hoạt động thực hành đồng tiến kết hợp giữa lý thuyết và thực tế với các tiến trình nghiên cứu được quy định	<i>Giống:</i> Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống các phương pháp trong quá trình nhận thức xã hội học: mối quan hệ giữa nhận thức lý thuyết và nhận thức thực nghiệm; vai trò của nghiên cứu xã hội học trong nhận thức xã hội học; các bước tiến hành một cuộc nghiên cứu xã hội học; cách thức phát hiện, nắm bắt và lựa chọn vấn đề nghiên cứu; cách thiết kế một cuộc nghiên cứu xã hội học từ khâu xác định mục tiêu nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết, thao tác hoá khái niệm, xây dựng bộ công cụ cho thu thập thông tin, kỹ năng sử dụng và lựa chọn các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính cho phù hợp với từng trường hợp nghiên cứu cụ thể. <i>Khác:</i> Ứng dụng cụ thể ở Việt Nam

Xã hội học Giới <i>The Sociology of Gender</i>	Sociology of Gender <i>Xã hội học về Giới</i>	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lí thuyết và nghiên cứu về bất bình đẳng giới. Bao gồm các khía cạnh của bất bình đẳng giới, việc làm, phụ nữ, và gia đình, sự biến đổi xã hội, giới và phúc lợi xã hội, phụ nữ và giáo dục cấp cao, bất bình đẳng về thị trường lao động giữa các quốc gia	Giống: Cung cấp những kiến thức cơ bản về giới và mối quan hệ giới trong xã hội: Khái niệm Giới; sự khác biệt Giới tính (sinh học) và Giới (văn hoá, xã hội); sự hình thành bản sắc của Giới; quá trình học hỏi và thực hiện các vai trò cơ bản của Giới; quan hệ Giới trong khi thực hiện các chức năng gia đình; vai trò của Giới trong phát triển; Khác: đặc thù Giới ở Việt Nam và những vấn đề Giới của Việt Nam hiện nay.
Xã hội học Gia đình <i>The Sociology of the Family</i>	The Changing American Family <i>Sự thay đổi trong hệ thống gia đình ở Mỹ</i>	Cung cấp cho sinh viên các phương pháp tiếp cận xã hội học trong nghiên cứu về gia đình, nhấn mạnh vào cả những thay đổi mang tính lịch sử và hiện tại. Học phần bao gồm các chủ đề về xã hội, kinh tế, văn hóa,, nhân khẩu học trong đời sống gia đình; gia đình và nơi cư trú, ảnh hưởng của các chính sách đến đời sống gia đình; các thiết chế ảnh hưởng tới cấu trúc và chức năng của gia đình	Giống: Trang bị những kiến thức cơ bản, lí thuyết xã hội học trong nghiên cứu hôn nhân gia đình, bao gồm: cách tiếp cận; hệ thống khái niệm và lí luận trong nghiên cứu của xã hội học gia đình; cơ cấu gia đình; mối quan hệ bên trong gia đình; chức năng của gia đình - mối quan hệ bên trong gia đình; chức năng của gia đình - mối quan hệ giữa gia đình và xã hội; hôn nhân; xung đột và ly hôn; gia đình từ góc độ giới; biến đổi gia đình trên thế giới; tương lai của gia đình; phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu gia đình Khác: Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam

Xã hội học Giáo dục <i>The Sociolgy of Education</i>	Education And Society <i>Giáo dục và xã hội</i>	Cung cấp cho người học tri thức về các vấn đề trung tâm xung quanh tổ chức và chính sách giáo dục, đồng thời cũng làm rõ các quan điểm lí thuyết và minh chứng thực tế. Bao gồm các vấn đề về phân khúc các trường đại học và cao đẳng, các vấn đề về bình đẳng và bất bình đẳng, quản lí và điều hành, các cơ hội và lực lượng lao động, cải cách thể chế và thay đổi chiến lược	Giống: Giúp sinh viên thấy được một số cách tiếp cận lí thuyết khác nhau trong nghiên cứu giáo dục như một tiểu hệ thống, một thiết chế cơ bản của xã hội. Vận dụng các lí thuyết xã hội học để xem xét hàng loạt các mối quan hệ trong lĩnh vực giáo dục cũng như các vấn đề của giáo dục xưa và nay, đặc biệt là giáo dục trong thời kỳ công nghệ hiện nay Khác: Có mở rộng về chính sách, quản lí và các vấn đề liên quan đến thị trường lao động trong lĩnh vực giáo dục
Xã hội học Kinh tế <i>Economic Sociology</i>	Economic Sociology <i>Xã hội học kinh tế</i>	Giới thiệu cho sinh viên các lĩnh vực về xã hội học kinh tế, tập trung vào các hiểu biết về thiết chế và ctieens trình kinh tế. Tập trung vào các nghiên cứu của Karl Max, Marx Weber. Mối quan hệ giữa xã hội học kinh tế với các lĩnh vực khác, bao gồm cả quá trình toàn cầu hóa và khả năng tiếp cận cơ hội của các cá nhân trong xã hội	Giống: Giới thiệu cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đối tượng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học kinh tế, một số lĩnh vực của xã hội học kinh tế (Kinh tế - Lao động), hàng hoá (thị trường, toàn cầu hoá kinh tế...) Khác: một số nét đặc thù của xã hội học kinh tế thị trường Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
Xã hội học Chính trị	Sociology of Policical <i>Xã hội học chính trị</i>	Cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản và một số lí thuyết xã hội học chính trị. Giới thiệu cho sinh viên một số quan điểm về đối tượng,	Giống: Sinh viên hiểu được cơ sở xã hội, nội dung xã hội, hệ quả xã hội của các sự kiện chính trị, quá trình chính trị, hành động chính trị, khủng hoảng chính trị, phong trào chính trị, tổ chức chính trị, chính trị học so sánh, văn hoá chính trị.

		chức năng của môn xã hội học chính trị, quá trình phát triển của môn xã hội học chính trị thế giới, xu hướng phát triển khác nhau của học phần này tại các khu vực, các quốc gia trên thế giới..	Sinh viên sẽ được tiếp cận với một số quan điểm của các nhà tư tưởng, các nhà xã hội học chính trị tiền bối để hiểu thêm về lịch sử của học phần này <i>Khác:</i> Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam
Nhập môn mạng lưới xã hội Introduction to social network	Introduction to social networks <i>Giới thiệu về mạng lưới xã hội</i>	Có hai nội dung chính trong học phần này. Nội dung thứ nhất bàn về các loại mạng lưới xã hội và các đặc điểm của mạng lưới xã hội. Nội dung thứ hai tập trung phân tích ảnh hưởng của mạng lưới xã hội đối với cá nhân và nhóm trong các bối cảnh như cộng đồng, làng giềng, gia đình, nơi làm việc,	<i>Giống:</i> Học phần này tìm hiểu ảnh hưởng của cấu trúc mạng lưới xã hội lên cá nhân và nhóm trong phạm vi cộng đồng, làng giềng, gia đình, nơi làm việc. <i>Khác:</i> Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam
Các lý thuyết xã hội học kinh điển <i>Classical Sociological Theory</i>	Classical Social Theory <i>Lý thuyết xã hội học kinh điển</i>	Nghiên cứu các lý thuyết xã hội học kinh điển: Marx, Durkheim, và Weber, những người tiên nhiệm và những người kế tiếp họ	<i>Giống:</i> Giới thiệu những quan điểm, nội dung chủ yếu của các lý thuyết xã hội học xuất hiện từ đầu thế kỷ XX (chủ yếu từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất) đến nay; quá trình hình thành; mức độ phổ biến, việc sử dụng và xu hướng biến đổi của chúng cũng như mối liên hệ của chúng với các lý thuyết xã hội học kinh điển. <i>Khác:</i> Ứng dụng thực tiễn vào giải thích các vấn đề thực tiễn tại Việt Nam

Để đảm bảo tính hiện đại, có thể đáp ứng yêu cầu liên thông trong quá trình đào tạo cử nhân ngành XHH tại Trường ĐHKHXH&NV, những học phần còn lại trong khung chương trình đào tạo cử nhân ngành XHH theo CDR không trùng với các học phần trong Khung chương trình

của Đại học Stanford University, chúng tôi so sánh với các học phần trong khung chương trình của các Đại học khác thuộc Top 200 trường đại học hàng đầu thế giới. Cụ thể các so sánh như sau:

<i>Tên học phần</i>	<i>Tên học phần trong chương trình đào tạo nước ngoài</i>	<i>Tên trường đại học tham khảo</i>	<i>Bảng xếp hạng, trường, ngành</i>	<i>Tóm tắt nội dung học phần</i>	<i>Sự giống và khác nhau giữa 2 học phần</i>
Xã hội học Nông thôn <i>The Rural Sociology</i>	Rural Sociology <i>Xã hội học nông thôn</i>	Ohio University	51/200.XHH	Giới thiệu những nghiên cứu khoa học về dân cư nông thôn. Có sự so sánh và nghiên cứu giữa các vùng trên thế giới. Các cách thức tiếp cận xã hội học khi nghiên cứu về nông thôn, ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa nông thôn trong các giai đoạn của lịch sử thế giới	<i>Giống:</i> Giới thiệu những nghiên cứu khoa học về dân cư nông thôn trong những mối liên hệ nhóm của nó, các nghiên cứu về tổ chức xã hội và các quá trình xã hội đặc trưng cho những khu vực địa lý có dân số tương đối nhỏ và có mật độ thấp. Bằng cách tập trung vào nghiên cứu các biến đổi xã hội và các vấn đề gắn liền với nó, học phần còn bao hàm một số khía cạnh của các khoa học xã hội khác như tâm lý học xã hội, khoa học chính trị, kinh tế học và nhân học <i>Khác:</i> Liên hệ thực tiễn tới Việt Nam
Xã hội học Đô thị <i>Urban Sociolgoy</i>	Urban Sociology <i>Xã hội học đô thị</i>	Yale University	6/200.XHH	Giới thiệu về các nghiên cứu xã hội học về các đô thị, có các chuyên đề về sự hình thành và phát triển của các đô thị Châu Âu, Bắc Mỹ mà đặc biệt là Philadenphia và Chicago	<i>Giống:</i> Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đô thị và áp dụng của nó trong thực tiễn quản lý xã hội đô thị. Nội dung chủ yếu gồm: sự cần thiết của môn xã hội học đô thị trong thực tiễn quản lý xã hội; các cách tiếp cận cơ bản nghiên cứu xã hội học đô thị; lịch sử phát triển đô thị trên thế giới.

					<i>Khác:</i> Ứng dụng thực tế ở Việt Nam
Xã hội học Quản lí <i>Sociology of Manageme nt</i>	Sociology of Organization s <i>Xã hội học về tổ chức</i>	Washington Univerity	17/200. XHH	Cung cấp các tri thức xã hội học nghiên cứu về tổ chức bao gồm các loại hình quản lí, quy tắc quản lí, liên hệ với cá nhân và các tổ chức khác như thế nào với các thiết chế khác trong xã hội	<i>Giống:</i> Cung cấp các tri thức về tổ chức trong đó có các loại hình quản lí, nguyên tắc quản lí, giúp sinh viên nắm về thực hành. Sinh viên sẽ nắm bắt được những tri thức về mối quan hệ giữa chủ thể quản lí với khách thể của nó. Đó là mối quan hệ giữa con người với con người trong một hoạt động chung nhằm đạt tới mục tiêu xác định. Mối quan hệ giữa con người với nhau không chỉ dừng lại ở cấp độ cá nhân mà nó còn thể hiện ở các cấp độ khác như nhóm vi mô và vĩ mô, các tập thể, các cộng đồng cho tới cấp quốc gia <i>Khác:</i> Liên hệ thực tiễn tại Việt Nam
Xã hội học Dân số <i>Sociology of Population</i>	Population and Society (5) I&S <i>Dân số và xã hội</i>	Washington University	17/200. XHH	Cung cấp các tri thức về sự tăng trưởng và phát triển dân số, các lí thuyết về dân số, sự đô thị hóa. Phân định các hậu quả của tỉ lệ sinh, tỉ lệ tử, sự di cư trong các vùng phát triển và không phát triển	<i>Giống:</i> Cung cấp cơ sở lí luận về xã hội học dân số cho sinh viên chuyên ngành xã hội học. Rèn luyện cho sinh viên khả năng nghiên cứu các vấn đề dân số dưới góc độ xã hội học <i>Khác:</i> Liên hệ trực tiếp tới Việt Nam

Xã hội học Môi trường <i>Environmental Sociology</i>	Sociology of the Environment <i>Xã hội học về môi trường</i>	Queensland University	51/200. XHH	Tập trung vào nghiên cứu các vấn đề môi trường ở các quốc gia phát triển và đang phát triển. Đưa ra các cách tiếp cận khoa học liên ngành để giải quyết vấn đề môi trường suy thoái	<i>Giống:</i> Hiểu được mối quan hệ giữa con người và môi trường như một thể thống nhất; Hiểu được hiệu ứng âm tính đối với những tác động của con người tới môi trường; Biết ứng xử với môi trường trên quan điểm thân môi trường và tư tưởng phát triển bền vững. Hiểu được xung đột giữa các nhóm người liên quan đến việc khai thác môi trường; Biết sử dụng các biện pháp quản lý xung đột để điều hoà quan hệ giữa các nhóm xã hội nhằm bảo vệ môi trường <i>Khác:</i> ứng dụng cụ thể tại Việt Nam
Xã hội học Văn hóa <i>Sociology of Culture</i>	Sociology of Culture <i>Xã hội học văn hóa</i>	University of Minnesota	51/200. XHH	Cung cấp cho người học các tri thức xã hội học trong lĩnh vực văn hóa. Các vấn đề văn hóa trong mối quan hệ và sự phát triển xã hội. Những nhạy cảm văn hóa ảnh hưởng tới sự bền vững của một nhóm, cộng đồng hay một quốc gia	<i>Giống:</i> Giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa văn hoá và xã hội học văn hoá, giữa xã hội học văn hoá và xã hội học đại cương. Giới thiệu cho sinh viên đối tượng, lịch sử hình thành, phát triển và nội dung cơ bản của xã hội học văn hoá <i>Khác:</i> Xã hội học Văn hóa tập trung vào những nét đặc thù của xã hội học văn hoá phương Đông và Việt Nam, xã hội học văn hoá trong quá trình toàn cầu hoá.

Xã hội học Du lịch <i>The Sociology of Tourism</i>	Sociology and Tourism <i>Xã hội học du lịch</i>	University of Nottingham	101/200 .XHH	Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về quan hệ xã hội giữa các nhóm người du lịch và nhóm dịch vụ du lịch trong cấu trúc của các tổ chức du lịch. Cung cấp những cơ sở lý luận về động cơ và nhu cầu du lịch của các nhóm xã hội khác nhau với những nền văn hoá khác nhau	<i>Giống:</i> Cung cấp cho người học cơ sở lý luận về nhu cầu quảng bá văn hoá của các nhóm xã hội với những đặc thù về cái độc đáo cái chung và cái giao thoa giữa các nền văn hoá. Trên cơ sở lý thuyết được học, sinh viên có thể lý giải những tác động tiêu cực và tích cực của du lịch đến các nhóm xã hội khác nhau. Học phần cũng cung cấp kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa du lịch và phát triển kinh tế văn hoá xã hội ở điểm du lịch, khu vực lân cận và toàn xã hội nói chung. Du lịch làm biến đổi xã hội trên các bình diện văn hoá, tổ chức xã hội, kinh tế xã hội. <i>Khác:</i> Những đánh giá về việc đáp ứng nhu cầu xã hội đối với du lịch ở Việt Nam hiện nay
Xã hội học Sức khỏe <i>The Sociology of Health</i>	Health Social Movements <i>Các phong trào xã hội về Y tế, Sức khỏe</i>	Yale University	6/200.X HH	Cung cấp các tri thức xã hội học nhằm lý giải các vấn đề về sức khỏe, bệnh tật. Các vấn đề bao gồm phân biệt chủng tộc và sức khỏe, sức khỏe phụ nữ, sức khỏe sinh sản, môi trường bình đẳng, ung thư và HIV	<i>Giống:</i> Trang bị cho sinh viên ngành xã hội học, những cơ sở lý luận, phương pháp luận nghiên cứu về sức khỏe, nắm chắc, vận dụng kiến thức một số phương pháp và những kỹ thuật để sử dụng trong việc nghiên cứu, khảo sát về sức khỏe, bệnh tật của các nhóm xã hội <i>Khác:</i> Ứng dụng thực tiễn tại Việt Nam
Xã hội học Pháp luật <i>The Sociology of the Law</i>	Sociology of Law <i>Xã hội học Pháp Luật</i>	University of Chicago	5/200.X HH	Học phần cung cấp cho sinh viên các tri thức xã hội học về pháp luật, các vấn đề phổ quát về pháp luật và xã hội, nhưng không phải về khía cạnh tội phạm học. Sau khi xem xét các quan điểm kinh điển về xã hội học pháp luật. Sinh viên được tiến hành tìm hiểu, so sánh mối quan hệ giữa cấu trúc	<i>Giống:</i> Giúp sinh viên nhận thức đúng những vấn đề cơ bản của Xã hội học pháp luật, góp phần hoàn chỉnh kiến thức đại học. Trên cơ sở đó sinh viên có thể độc lập nghiên cứu thực nghiệm <i>Khác:</i> Ứng dụng thực tiễn tại Việt Nam

				xã hội và hệ thống pháp luật cũng như các vấn đề liên quan khác như bất bình đẳng, tổ chức hay chuẩn mực xã hội	
Xã hội học Tội phạm <i>The Sociology of the Crime</i>	Sociology of Crime and Deviance <i>(Xã hội học về tội phạm và lệch chuẩn)</i>	Yale University	6/200.XHH	Giới thiệu về các cách tiếp cận xã hội học về tội phạm và lệch chuẩn. Đồng thời nhìn nhận một số loại hành vi lệch chuẩn và phạm tội tồn tại trong xã hội	Giống: Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn nghiên cứu Xã hội học tội phạm của một số nước trên thế giới và Việt Nam. Khác: Các minh chứng và ứng dụng thực tế ở Việt Nam
Xã hội học Tổ chức và Quản lý nguồn nhân lực <i>Applied Sociology and Human Management</i>	Management and Organizations <i>Quản lý và Tổ chức</i>	University of Chicago	XHH.5/200	Cung cấp các trình cách thức tiếp cận xã hội về vấn đề tổ chức, tập trung vào số ít các nhà quản lý. Đi sâu tìm hiểu các vấn đề liên quan tới quản lý và tổ chức, hợp tác văn hóa	Giống: Xã hội học quản lý sẽ cung cấp cho sinh viên những tri thức về lĩnh vực quản lý. Sinh viên sẽ nắm bắt được những tri thức về mối quan hệ giữa chủ thể quản lý với khách thể của nó. Đó là mối quan hệ giữa con người với con người trong một hoạt động chung nhằm đạt tới mục tiêu xác định. Mối quan hệ giữa con người với nhau không chỉ dừng lại ở cấp độ cá nhân mà nó còn thể hiện ở các cấp độ khác như nhóm vi mô và vĩ mô, các tập thể, các cộng đồng cho tới cấp quốc gia. Khác: Ứng dụng thực tiễn tại Việt Nam
Xã hội học Lao động – nghề nghiệp	Sociology of Occupations and Professions	Washington University	17/200.XHH	Cung cấp nền tảng kiến thức giúp sinh viên hiểu và nghiên cứu về vấn đề nghề nghiệp, cấu trúc của nghề nghiệp và các động lực trong xã hội mỹ liên quan đến quá trình xã hội hóa và phát triển nghề nghiệp.	Giống: Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản ban đầu và có hệ thống về Xã hội học lao động và nghề nghiệp. Trình bày một số vấn đề chung nhất, về phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu của bộ môn khoa học này. Từ đó bổ sung, góp phần hoàn

<i>Sociology of Labor and Professions</i>	<i>Xã hội học nghề nghiệp</i>				chỉnh các khối kiến thức cơ sở và cơ bản của chuyên ngành sinh viên đang học <i>Khác:</i> Ứng dụng thực tế tại Việt Nam
Xã hội học Cộng đồng <i>Community Sociology</i>	Sociology of Community <i>Xã hội học cộng đồng</i>	<i>Rutgers, The State University of New Jersey, New Brunswick</i>	51/200.XHH	Cung cấp cho sinh viên các tri thức xã hội học về cộng đồng với các vấn đề liên quan và nảy sinh trong đó. Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các tri thức về cộng đồng trong nghiên cứu và thực tiễn	<i>Giống:</i> Trang bị cho sinh viên, học viên theo học những cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu về cộng đồng xã hội. Trên cơ sở những kiến thức được học, sinh viên, học viên có thể thực hành nghiên cứu một loại hình cộng đồng xã hội. Khi ra trường bằng việc tự đào tạo họ có thể độc lập nghiên cứu theo hướng chuyên sâu về các loại hình cộng đồng xã hội <i>Khác:</i> Ứng dụng tại Việt Nam
Xã hội học Thanh niên <i>Sociology of Youth</i>	ADVANCE D TOPICS: Children, Youth and Family from a Comparative Perspective: The U.S. and Europe	Indiana University	101/200.XHH	Cung cấp cho người học các tri thức trong nghiên cứu về các đối tượng đặc thù như trẻ em, Thanh niên, gia đình từ sự so sánh các đặc thù của xã hội Mỹ và Châu Âu	<i>Giống :</i> Cung cấp cho người học các tri thức về thanh niên cũng như các vấn đề xã hội liên quan. Cách thức tiếp cận xã hội học khi nghiên cứu về vấn đề này <i>Khác :</i> Học phần của Indiana University rộng hơn với nhiều đối tượng và liên hệ với đặc thù của Xã hội Mỹ và Châu Âu.
Lồng ghép giới trong các dự án phát triển					Học phần giúp sinh viên nhận biết tầm quan trọng của việc đưa vấn đề giới vào trong nghiên cứu khoa học và quản lý dự án. Học phần cũng hướng dẫn sinh viên cách thức thực hiện nghiên cứu và quản lý dự án có lồng ghép giới và cung cấp cho sinh viên hệ

<i>Mainstream of gender/Integration of gender into Science Research and Development Projects</i>					thống các chỉ số theo dõi, giám sát và đánh giá các nghiên cứu khoa học và dự án có tính đến yếu tố Giới. Một số nghiên cứu khoa học và dự án điển hình được lựa chọn và đưa vào phân tích trong các giờ thảo luận và làm bài tập ở trên lớp cho sinh viên hệ thống các chỉ số theo dõi, giám sát và đánh giá các nghiên cứu khoa học và dự án có tính đến yếu tố Giới. Một số nghiên cứu khoa học và dự án điển hình được lựa chọn và đưa vào phân tích trong các giờ thảo luận và làm bài tập ở trên lớp
Xã hội học khoa học và công nghệ <i>Sociology of Science and Technology</i>	Sociology of Science <i>Xã hội học về Khoa học</i>	University of Chicago	5/200.XHH	Cung cấp cách tiếp cận liên ngành (không chỉ riêng xã hội học). Tìm hiểu cách thức hệ thống khoa học thu hút đầu tư từ xã hội và các kết quả đầu ra của nó, vai trò của khoa học công nghệ trong chính phủ và kinh tế. Cũng như ảnh hưởng của thiết chế khác đến sự phát triển của tri thức khoa học	<i>Giống:</i> Trang bị những kiến thức và kỹ năng thực hành cần thiết cho lĩnh vực Khoa học và công nghệ. Từ đó, sinh viên hiểu và làm việc trong lĩnh vực này với vai trò là người quản lý hoặc một nhà nghiên cứu <i>Khác:</i> Ứng dụng thực tiễn tại Việt Nam.
<i>Thực tập phương pháp</i> <i>Method Practicum</i>	Practicum <i>Thực hành</i>	Washington University	17/200.XHH	Giúp sinh viên trải nghiệm thực tế về các khái niệm và vấn đề xã hội thông qua các thực hành nâng cao áp dụng các kỹ thuật và phương pháp trong nghiên cứu. Chủ đề lựa chọn đa dạng	<i>Giống:</i> Trang bị những kiến thức và kỹ năng thực hành cần thiết cho việc thực hiện một đề tài nghiên cứu Xã hội học cụ thể, bao gồm các giai đoạn: lập dự án nghiên cứu; điều tra, thu thập thông tin; xử lý dữ liệu, phân tích các kết quả và viết báo cáo. <i>Khác:</i> Áp dụng thực tiễn tại Việt Nam

Khóa luận tốt nghiệp <i>Undergraduate Thesis</i>	Honors Senior Thesis <i>Khóa luận</i>	Washington University	17/200.XHH	Vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện các nghiên cứu nâng cao	<i>Giống:</i> Khi người học thỏa mãn các tiêu chuẩn để làm khóa luận sẽ đăng ký nhận đề tài với các giáo viên hướng dẫn theo thủ tục qui định. Thông qua việc làm khóa luận sinh viên, học viên có cơ hội phát triển năng lực thực hành các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về XHH <i>Khác:</i> Ứng dụng thực tế tại Việt Nam
Thiết kế nghiên cứu xã hội học <i>Sociological research Design</i>	Method of Social research <i>Phương pháp thiết kế nghiên cứu xã hội</i>	Columbia University	9/200.XHH	Giúp sinh viên nắm vững quy trình, kỹ thuật thiết kế và thực hiện nghiên cứu xã hội học	<i>Giống:</i> Giúp sinh viên nắm vững và tự thiết kế các nghiên cứu xã hội học theo các chủ đề riêng biệt. Sau khi ra trường giúp sinh viên hình thành và phát huy tư duy khoa học trong nghiên cứu cũng như các hoạt động thực tế <i>Khác:</i> Áp dụng thực tiễn vào Việt nam

7. Tóm tắt nội dung học phần

STT	Mô tả học phần
1	<i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Phần 1)</i> - Mã số học phần: PHI 1004 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: không có - Nội dung học phần: Học phần những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin phần 1 cung cấp cho người học hệ thống quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử về bản chất của thế giới, những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của thế giới vật chất; bản chất, nguồn gốc, kết cấu của ý thức và biện chứng của quá trình nhận thức; những quy luật khách quan chi phối sự vận động phát triển xã hội loài người. Từ đó giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận triết học khoa học, có khả năng vận dụng thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào hoạt động nhận thức và thực tiễn trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.
2	<i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Phần 2)</i> - Mã số học phần: PHI 1005 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Phần 1) (PHI 1004) - Nội dung học phần: Học phần Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin (phần 2) trình bày những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa qua việc nghiên cứu 3 học thuyết kinh tế: học thuyết về giá trị, học thuyết về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Các học thuyết này không chỉ làm rõ những quy luật kinh tế chủ yếu chi phối sự vận động của nền kinh tế thị trường, của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn là cơ sở quyết định sự vận động của những quan hệ, những quy luật chính trị - xã hội như quy luật về cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, về chính đảng của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa... Những quy luật kinh tế và quy luật chính trị - xã hội này luận giải tính tất yếu của sự sụp đổ chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.
3	<i>Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> - Mã số học phần: POL 1001 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (Phần 2) (PHI 1005)

	- Nội dung học phần: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội ở và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.
	<i>Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> - Mã số học phần: HIS 1002 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh (POL 1001) - Nội dung học phần: Trình bày rõ bối cảnh lịch sử và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; cung cấp những kiến thức cơ bản, với nguồn tư liệu xác thực đường lối cách mạng của Đảng, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị... của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới về một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội; Nêu lên những thành tựu, hạn chế và bài học kinh nghiệm về xác định và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng để vận dụng sáng tạo vào giai đoạn cách mạng hiện tại vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
4	Cơ sở văn hoá Việt Nam - Mã số học phần: HIS 1056 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Cơ sở Văn hóa Việt Nam cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn hóa như: văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật. Những vấn đề liên quan đến hình thái, mô hình, cấu trúc và chức năng của văn hóa. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát, từ đó giúp người học có thể lý giải về các khía cạnh của văn hoá Việt Nam như: mối quan hệ giữa con người, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội Việt Nam với văn hoá; những đặc trưng chung của quá trình giao lưu tiếp

	xúc văn hoá ở Việt Nam và những nét nổi bật của quá trình giao lưu tiếp xúc giữa văn hoá Việt Nam với văn hoá Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây. Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam cũng giới thiệu cho người học những thành tố cơ bản của văn hoá Việt Nam như ngôn ngữ, tôn giáo (Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo, Thiên chúa giáo), tín ngưỡng (tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ Mẫu), lễ hội... và diễn trình của lịch sử văn hóa Việt Nam (văn hóa Việt Nam thời tiền sơ sử, thiên niên kỷ đầu công nguyên, văn hóa Việt Nam thời tự chủ...). Những nét đại cương của không gian văn hóa Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hoá Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.
5	Các phương pháp nghiên cứu khoa học - Mã số học phần: MNS1053 -- Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung:: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, đặc điểm và sản phẩm của nghiên cứu khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng luận điểm khoa học, vai trò của luận điểm khoa học trong nghiên cứu khoa học, trình tự xây dựng luận điểm khoa học, giả thuyết khoa học, chứng minh luận điểm khoa học, các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu khoa học (như nội quan, ngoại quan, phân tích, tổng hợp, định tính, định lượng, thống kê, xác suất, cấu trúc và hệ thống...), và trình bày luận điểm khoa học. Học phần đặt trọng tâm vào nội dung kỹ năng hình thành trình tự logic cho nghiên cứu, từ đó giúp sinh viên xây dựng nền tảng đầu tiên cho hoạt động nghiên cứu khoa học (tập sự nghiên cứu), biết xây dựng khung logic cho luận điểm khoa học, chứng minh luận điểm khoa học và trình bày luận điểm khoa học, viết tài liệu khoa học, thuyết trình khoa học. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự khác biệt về phương pháp thu thập thông tin giữa các khoa học giúp sinh viên không luyện tập về logic nghiên cứu mà còn định hình được sự lựa chọn phương pháp phù hợp cho nghiên cứu của bản thân. Bên cạnh việc rèn luyện kỹ năng làm đề cương nghiên cứu, học phần đặc biệt chú trọng đến nội dung của chương VIII về hình thành đạo đức khoa học trong cộng đồng nghiên cứu cũng như giới thiệu các phương thức kiểm soát xã hội nhằm hạn chế hiện tượng lệch chuẩn đạo đức khoa học.

6	Tâm lý học đại cương - Mã số học phần: PSY 1051 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng Tâm lý người; các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu Tâm lý; khái quát sự hình thành và phát triển Tâm lý người. Bên cạnh đó, Tâm lý học đại cương còn cung cấp các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; về nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.
7	Logic học đại cương - Mã số học phần: PHI1054 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Logic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn. Nội dung của học bao gồm các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật lô gích hình thức cơ bản của tư duy như Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. nắm được các nội dung đó sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy logic trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Phần bài tập và câu hỏi trên lớp giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học cho mình. Học phần không chỉ trang bị cho sinh viên những phương pháp tư duy đúng đắn để có thể phán ánh chân thực đối tượng ở trạng thái đúng im tương đối (mặt hình thức) của nó mà còn cung cấp những cơ sở và nền tảng cho một phương pháp tư duy đúng đắn nói chung, giúp người học có thể vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác và dùng nó trong hoạt động thực tiễn một cách có hiệu quả. Vì vậy, đây là học phần đã đang và nên là học phần phổ cập và bắt buộc đối với sinh viên ở giai đoạn đại cương trong tất cả các trường đại học.
	Lịch sử văn minh thế giới - Mã số học phần: HIS1053

8	- Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Học phần giới thiệu sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày các nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh Ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX... Đối với mỗi nền văn minh, học phần giới thiệu và cung cấp kiến thức, thông tin về ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội-văn hóa tới sự hình thành và phát triển của các nền văn minh. Học phần trình bày khái quát những nét chủ yếu của tiến trình văn minh và những đóng góp tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học –kỹ thuật, tôn giáo...
9	- Nhà nước pháp luật đại cương - Mã số học phần: THL1057 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Nhà nước và pháp luật đại cương là học phần bắt buộc được đưa vào chương trình giảng dạy nhiều năm nay ở các cơ sở đào tạo khác nhau. Đây là học phần nghiên cứu những vấn đề chung nhất và cơ bản nhất, mang tính toàn diện và hệ thống các tri thức về nhà nước và pháp luật, nghiên cứu bản chất, vai trò xã hội, qui luật phát sinh, tồn tại và phát triển của hai hiện tượng xã hội này. Ngoài ra nhà nước và pháp luật đại cương cũng nghiên cứu những nét cơ bản nhất về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Đây cũng là học phần nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống nhất các khái niệm, phạm trù, các nguyên tắc và các qui luật về nhà nước và pháp luật.
10	Xã hội học đại cương - Mã số học phần: SOC1051 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Học phần được kết cấu thành 10 chương. Mười chương này tạo thành bốn nhóm nội dung. Nội dung thứ nhất bàn về đối tượng nghiên cứu của xã hội học, chức năng của xã hội học, và mối quan hệ giữa xã

	hội học với một số ngành khoa học khác. Nội dung thứ hai đề cập đến lịch sử và lý thuyết xã hội học. Nội dung thứ ba tập trung vào các phương pháp nghiên cứu xã hội học. Nội dung cuối cùng đề cập đến những chủ đề cơ bản trong xã hội học. Như vậy, kết cấu của học phần dựa trên lô gích: gắn kết lịch sử, lý thuyết với phương pháp nghiên cứu, và những chủ đề quan trọng của xã hội học.
11	Kinh tế học đại cương - Mã số học phần: INE 1014 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Kinh tế học Đại cương là một học phần bổ trợ, thuộc khối kiến thức bổ trợ trong các chương trình đào tạo thuộc các khối ngành tự nhiên và xã hội - nhân văn. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về sự vận hành của nền kinh tế thị trường với 2 mảng kiến thức 1) Kinh tế học vi mô: giới thiệu một cách tổng quát cơ chế vận hành của một thị trường điển hình và hành vi lựa chọn của doanh nghiệp; 2) Kinh tế học vĩ mô: Trình bày những biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu và các yếu tố quyết định chúng qua một số mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản. Qua đó, người học có thể hiểu được tầm quan trọng của các chính sách kinh tế của Chính phủ trong việc điều tiết hoạt động của nền kinh tế.
12	Thống kê cho khoa học xã hội - Mã số học phần: MAT 1078 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên một số kết quả cơ bản, đơn giản của Thống kê ứng dụng để xử lý hai đại lượng quan trọng, rất hay được dùng trong thực tế: tỷ lệ và trung bình. Đó là bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thiết liên quan đến tỷ lệ, trung bình; so sánh hai giá trị trung bình, so sánh hai tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập giữa hai đại lượng; tương quan và hồi quy giữa hai biến.
	Thực hành văn bản Tiếng Việt - Mã số học phần: LIN 1050 - Số tín chỉ: 02

13	- Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Tiếp nhận và soạn thảo văn bản tiếng Việt; Nhận diện và xây dựng đoạn văn tiếng Việt; Nhận diện và viết các loại câu tiếng Việt; Chữa các lỗi về câu; Các quy tắc dùng từ, hiểu các lỗi thông thường trong dùng từ và cách sửa chữa; Các quy tắc chính tả tiếng Việt; Các lỗi thông thường về chính tả.
14	Nhập môn Năng lực thông tin - Mã số học phần: LIB1050 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Năng lực thông tin giúp các cá nhân có thể xử lý, giải quyết và làm chủ các vấn đề liên quan đến khai thác và sử dụng thông tin trong bối cảnh bùng nổ thông tin và xã hội thông tin hiện nay. Cần lưu ý rằng, sự thành thạo về sử dụng công nghệ không đồng nghĩa với việc sử dụng và khai thác thông tin hiệu quả. Do đó, cần có những giải pháp để ứng phó và giải quyết những vấn đề do sự bùng nổ thông tin gây ra. Việc dễ dàng công bố, đăng tải, và truy cập thông tin, đặc biệt là thông tin trên Internet, khiến cho người sử dụng thông tin bị quá tải, dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong việc xác định, lựa chọn, tìm kiếm và đánh giá các nguồn thông tin phù hợp, đáng tin cậy, phục vụ cho các nhu cầu học tập, nghiên cứu và sinh sống. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết những nêu trên, giúp người học nâng cao hiệu quả học tập và chuẩn bị sẵn sàng cho khả năng học tập suốt đời.
15	Công tác xã hội đại cương - Mã số học phần: SOW1100 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội trên Thế giới và Việt Nam.. Một số lĩnh vực nghiên cứu và kỹ năng thực hành cơ bản của CTXH cũng được giới thiệu nhằm gợi mở các hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Học phần cũng giới thiệu các kiến thức chung về các phương pháp nghiên cứu, các kỹ

	năng thực hành Công tác xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội. Đây cũng học phần mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở kể cả cho người dạy và học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để ngày càng hoàn thiện về nhận thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp CTXH. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với con người, với giai cấp, với dân tộc, sẵn sàng tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp chống áp bức, giảm đói nghèo, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.
16	Nhân học đại cương - Mã số học phần: ANT1100 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Môn Nhân học đại cương giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngành Nhân học, giúp sinh viên trong quá trình học phát triển các tri thức, cách tiếp cận phê phán về cuộc sống của chính văn hóa và xã hội mình và các xã hội, nền văn hóa khác trên thế giới. Tham gia học phần này, sinh viên sẽ được tìm hiểu về đối tượng nghiên cứu, sự phân ngành, lịch sử phát triển của ngành nhân học, các khái niệm cơ bản, các phương pháp nghiên cứu điển dã dân tộc học. Các bài giảng cũng bao quát một số chủ đề quan trọng của ngành học như: ngôn ngữ, chủng tộc, tộc người, giới và giới tính, gia đình và thân tộc, hôn nhân và cư trú, tôn giáo với những ví dụ minh họa từ Việt Nam và các nền văn hóa đa dạng trên thế giới. Hoàn thành học phần này, sinh viên có những tri thức cơ bản về ngành Nhân học, có thể áp dụng các tri thức và tiếp cận Nhân học vào nghiên cứu, công việc và cuộc sống.
17	Tôn giáo học đại cương - Mã số học phần: PHI1050 -Số tín chỉ: 03 -Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Tôn giáo học là một khoa ngành học, song ở đây mới dừng lại ở chỗ coi nó là một học phần mang tính đại cương, do vậy nội dung của học phần mới chỉ dừng lại ở những vấn cơ bản và chung nhất của Tôn

	giáo học, cụ thể gồm: 1. Bản chất, nguồn gốc của tôn giáo, 2. Kết cấu và chức năng xã hội của tôn giáo của tôn giáo hiện đại, 3. Sự ra đời tôn giáo, các kiểu tôn giáo trong lịch sử, lí giải quá trình xuất hiện và sự phát triển của tôn giáo với một số kiểu, hình thức tôn giáo., 4. Tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam, tìm hiểu về một số hình thức tín ngưỡng tiêu biểu của người Việt và về đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo., 5. Phật giáo và Phật giáo ở Việt Nam, tìm hiểu sự ra đời, giáo lí cơ bản của đạo Phật. Sự du nhập và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam qua một số thời kỳ lịch sử., 6. Kitô giáo và Kitô giáo ở Việt Nam, tìm hiểu sự ra đời, giáo lí cơ bản của đạo Kitô, sự phân hóa trong đạo Kitô. Sự du nhập và phát triển của Kitô giáo (Công giáo, Tin Lành) ở Việt Nam qua một số thời kỳ lịch sử., 7. Islam và Islam ở Việt Nam, tìm hiểu về sự ra đời, giáo lí cơ bản của Islam. Sự du nhập Islam vào cộng đồng người Chăm ở Việt Nam. 8. Đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về tôn giáo
18	Tâm lý học Xã hội - Mã số học phần: PSY 2023 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY 1050) - Tóm tắt nội dung: Tâm lý học xã hội cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý của số đông người, như: hiện tượng liên hệ xã hội, tri giác xã hội, ảnh hưởng xã hội, khuôn mẫu, định kiến xã hội, hành vi xã hội thường xảy ra trong xã hội và các hiện tượng tâm lý thường xảy ra trong nhóm nhỏ, như sự hình thành các mối quan hệ trong nhóm nhỏ, chuẩn mực, cố kết nhóm, xung đột, lãnh đạo nhóm. Người học cũng được trang bị những kiến thức, kỹ năng về các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học xã hội.
19	Gia đình học - Mã số học phần: SOW2003 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Không có - Tóm tắt nội dung: Môn gia đình học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng học phần, các khái niệm cơ bản, lịch sử về gia đình, quá trình phát triển và biến đổi của gia đình, quan hệ với các thiết chế khác,

	các loại gia đình và quan hệ trong nội bộ gia đình. Học phần này cũng giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách tiếp cận và những phương pháp của việc nghiên cứu gia đình. Học phần này giúp cho sinh viên biết thiết kế một đề cương nghiên cứu nhỏ về gia đình. Qua đó giúp cho sinh viên hình thành phong cách tư duy và phương pháp nghiên cứu khoa học
20	Sử dụng phần mềm xử lý số liệu - Mã số học phần: SOC1100 - Học phần tiên quyết: không có - Số tín chỉ: 02 - Tóm tắt nội dung: Giúp sinh viên hiểu và nắm được, đồng thời thực hành các kỹ năng xử lý số liệu trên máy tính. Rèn luyện thuần thục các kỹ năng xử lý số liệu phục vụ việc viết và trình bày một báo cáo khoa học nói chung và báo cáo chuyên ngành nói riêng
21	Lịch sử Việt Nam đại cương - Mã số học phần: HIS 1100 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: không có - Tóm tắt nội dung: Đây là học phần cơ sở của nhiều ngành học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay. Bao trùm toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam là những nội dung lớn như: sự thay thế, phát triển kế tiếp giữa các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu phát triển về kinh tế, văn hoá, xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ... Các vấn đề trên sẽ được trình bày theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.
22	Dân số học đại cương - Mã số học phần: SOC1101 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: không có

	- Tóm tắt nội dung: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dân số học bao gồm đối tượng và phương pháp nghiên cứu dân số, các tỷ suất gia tăng dân số, tình hình gia tăng dân số trên thế giới và Việt Nam, các học thuyết dân số, cơ cấu dân số. Học phần giúp cho sinh viên hiểu và biết cách tính toán các công thức tính mức sinh, mức chết, và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh và mức chết. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu quá trình di dân và đô thị hoá ở Việt Nam, các phương pháp dự báo dân số và chính sách dân số ở một số nước và Việt Nam
23	Tâm lý học giao tiếp - Mã số học phần: PSY1100 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY1051) - Tóm tắt nội dung: Học phần Tâm lý học giao tiếp cung cấp cho người học các tri thức thức lý luận và thực tiễn về giao tiếp: hành vi giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong môi trường xã hội, kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp. Bên cạnh các tri thức lý luận, học phần Tâm lý học Giao tiếp còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong giao tiếp thông qua các bài tập thực hành, luyện tập. Thông qua các tri thức và các kỹ năng về giao tiếp do học phần này cung cấp, sinh viên được trang bị cho mình những phương pháp lý luận cũng như tăng cường khả năng giao tiếp hiệu quả trong công việc nói riêng và cuộc sống nói chung - đây chính là chìa khóa của thành công cho mỗi người.
24	Tâm lý học phát triển - Mã số học phần: PSY 2008 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY 1051) - Tóm tắt nội dung: Học phần giới thiệu những nội dung cơ bản về sự phát triển tâm lý của con người; cách thiết kế và các phương pháp nghiên cứu sự phát triển tâm lý người. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu các lý thuyết cơ bản về nguồn gốc, động lực của phát triển tâm lý người; bản chất và cơ chế của sự phát triển tâm lý người; những kiến thức về quy luật, điều kiện và đặc điểm sự phát triển tâm lý của con người, với tư cách là thành viên của xã hội, qua các giai đoạn lứa tuổi từ trong bào thai, sinh ra, lớn lên, trưởng thành và già

	đi. Ngoài những kiến thức nêu trên, người học được tiếp cận với những quan điểm khoa học về những nhiệm vụ phát triển tâm lý trong từng giai đoạn cuộc đời để trở nên hữu ích và hạnh phúc hơn, giúp mỗi người phát triển tốt hơn những tiềm năng của bản thân mình.
2	Hành vi con người và môi trường xã hội - Mã số học phần: SOW2004 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương (SOW1100) - Tóm tắt nội dung: Giúp người học hiểu được các yếu tố cơ bản về sinh học, vật lý học, văn hoá và xã hội của mỗi cá nhân con người gắn liền với các hệ thống xã hội. Làm rõ mối tương tác qua lại giữa hành vi con người với môi trường xã hội trong suốt vòng đời của các đối tượng khách hàng khác nhau, cá nhân, nhóm, gia đình đặc biệt nhấn mạnh đến ảnh hưởng của các giá trị nhu cầu, mục đích của hệ thống xã hội, gắn liền với thực tiễn công tác xã hội.
26	Phát triển cộng đồng - Mã số học phần: SOW1102 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: không có - Tóm tắt nội dung: Trên cơ sở những phương pháp, kỹ năng công tác xã hội, người học thực hành việc nghiên cứu, phân tích, tổ chức, xây dựng kế hoạch, nhằm hỗ trợ, phục hồi các chức năng xã hội, khơi dậy tiềm năng và thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng. Người học thực tập tại một cộng đồng có cơ sở xã hội thích hợp để áp dụng các phương pháp Công tác xã hội để phát triển cộng đồng. Nhìn chung, trong học phần này, người học phải vận dụng các kỹ năng, các phương pháp thực hành công tác xã hội vào tiến trình Công tác xã hội với một cộng đồng. Người học phải có báo cáo kết quả nghiên cứu, thực hành nộp giảng viên.
27	Tâm lý học sức khỏe - Mã số học phần: PSY 1151 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Tâm lý học đại cương (PSY 1051) - Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho người học hệ thống khái niệm của Tâm lý học sức khỏe: sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần và sức khỏe

	xã hội; các tiêu chí để phân loại chúng; vấn đề sức khỏe và đặc điểm nhân cách, sức khỏe và lối sống; sức khỏe của con người và các giai đoạn phát triển tâm lý và chăm sóc, dự phòng đối với các “đại dịch” hiện nay như HIV/AIDS, nghiện; hoạt động trợ giúp sức khỏe tinh thần ở các giai đoạn phát triển tâm lý của con người. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng một số công cụ chẩn đoán, đánh giá sức khỏe của con người.
28	Chính sách xã hội - Mã số học phần: SOC3024 - Số tín chỉ: 2 - Học phần tiên quyết: Xã hội học Đại cương (SOC 1051) - Tóm tắt nội dung: Giới thiệu một số quan điểm, quan niệm, khái niệm về chính sách xã hội, vai trò của chính sách xã hội trong quá trình phát triển xã hội, vai trò của xã hội học trong việc tư vấn xây dựng chính sách xã hội. Vận dụng một số kiến thức về chính sách vào thực tiễn xã hội Việt Nam.
29	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội - Mã số học phần: SOC3006 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Xã hội học Đại cương (SOC 1051) - Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về truyền thông đại chúng, vai trò, vị trí của truyền thông đại chúng trong dư luận xã hội. Chủ yếu giới thiệu các vấn đề: truyền thông đại chúng trong hệ thống tri thức xã hội học; truyền thông đại chúng như một quá trình xã hội; chức năng xã hội của truyền thông đại chúng; các hướng nghiên cứu truyền thông đại chúng; mối quan hệ giữa Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội
30	Công tác xã hội với người nghèo - Mã số học phần: SOW3045 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Công tác xã hội đại cương (SOW1100) - Tóm tắt nội dung: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nghèo đói - xoá đói giảm nghèo và công tác xã hội với người nghèo: lý luận chung về nghèo đói và xoá đói giảm nghèo, phạm vi công tác xã hội với

	người nghèo. Các kiến thức của học phần mở ra khả năng bổ sung lý thuyết và phương pháp công tác xã hội với cá nhân, nhóm và cộng đồng. Học phần gắn kết giữa ý tưởng với thực tiễn tạo ra cho người học có điều kiện, ý thức và trách nhiệm với người nghèo, với cộng đồng - quốc gia - dân tộc hướng tới mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội công bằng - dân chủ.
31	Lịch sử và lý thuyết Xã hội học - Mã số học phần: SOC3039 - Số tín chỉ: 05 - Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương (SOC1051) - Tóm tắt nội dung: Học phần giúp cho người học có được những hiểu biết có hệ thống về quá trình hình thành và phát triển của Xã hội học và một số lý thuyết Xã hội học trên thế giới với tính thống nhất trong đa dạng. Học phần còn giúp cho người học hiểu và biết cách phân tích nhận xét những quan điểm lý luận phương pháp luận về xã hội học, các lý thuyết nghiên cứu xã hội học của các nhà xã hội học, các trường phái xã hội học khác nhau trên thế giới. Học phần giúp cho người học biết cách phân tích.
32	Phương pháp nghiên cứu Xã hội học - Mã số học phần: SOC3040 - Số tín chỉ: 04 - Học phần tiên quyết: Xã hội học đại cương (SOC1051) - Tóm tắt nội dung: Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống các phương pháp trong quá trình nhận thức xã hội học: mối quan hệ giữa nhận thức lý thuyết và nhận thức thực nghiệm, thực địa; vai trò của nghiên cứu xã hội học trong nhận thức xã hội; các bước tiến hành một cuộc nghiên cứu xã hội học; cách thức phát hiện, nắm bắt và lựa chọn vấn đề nghiên cứu; cách thiết kế một cuộc nghiên cứu xã hội học từ khâu xác định mục tiêu nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết, thao tác hoá khái niệm, xây dựng bộ công cụ cho thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng sử dụng và lựa chọn các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính cho phù hợp với từng trường hợp nghiên cứu cụ thể.
33	Xã hội học quản lý - Mã số học phần: SOC3009 - Số tín chỉ: 03

	- Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học (SOC.3039) và Phương pháp nghiên cứu xã hội học (SOC.3040) - Tóm tắt nội dung: Học phần này cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về quan hệ xã hội ở cấp độ vi mô (hành vi) và cấp độ vĩ mô (quan hệ giữa những nhóm tác nhân cơ bản trong xã hội); cung cấp những kiến thức cơ bản về đối tượng, chức năng, phương pháp, mô hình phân tích quan hệ xã hội cơ bản trong lòng một tổ chức hoặc có sự tham gia của môi trường xã hội. Giới thiệu cho sinh viên bốn nhóm lý thuyết chính của Xã hội học Quản lý: nhóm lý thuyết về quản lý con người một cách khoa học; nhóm lý thuyết quản lý con người theo tri thức nhân văn; nhóm lý thuyết quản lý con người theo phân tích chiến lược và nhóm lý thuyết hài hòa xã hội
34	Xã hội học Giới - Mã số học phần: SOC3041 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về giới và mối quan hệ giới trong xã hội: Khái niệm Giới; sự khác biệt Giới tính (sinh học) và Giới (văn hoá, xã hội); sự hình thành bản sắc của Giới; quá trình học hỏi và thực hiện các vai trò cơ bản của Giới; quan hệ Giới trong khi thực hiện các chức năng gia đình; vai trò của Giới trong phát triển; đặc thù Giới ở Việt Nam và những vấn đề Giới của Việt Nam hiện nay.
35	Xã hội học Gia đình - Mã số học phần: SOC3007 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Xã hội học gia đình là một học phần chuyên ngành của khoa học xã hội học. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học gia đình là những sự kiện, hiện tượng mang tính qui luật của hôn nhân gia đình, phản ánh sự biến đổi của xã hội qua các thời kỳ phát triển. Xã hội học gia đình quan tâm đến những vấn đề của gia đình truyền thống khi xem xét nó trong sự liên hệ với sự biến đổi của gia đình đương đại. Xã hội học gia đình nghiên cứu các quá trình hôn nhân, biến đổi cơ cấu và chức năng gia đình. Xã hội học gia

	đình nghiên cứu các mối liên hệ vững chắc từ cấp độ vĩ mô giữa gia đình và xã hội, giữa gia đình, cá nhân và xã hội; giữa gia đình, họ hàng và xã hội thông qua việc nghiên cứu chức năng gia đình cũng như sự kiểm soát xã hội của gia đình. Xã hội học gia đình tìm hiểu các mối liên hệ vững chắc từ cấp độ vi mô khi đề cập đến những biến đổi vai trò trong gia đình, những xung đột và liên hệ bền vững của gia đình thông qua việc nghiên cứu cấu trúc gia đình.
36	Xã hội học Nông thôn - Mã số học phần: SOC3042 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Xã hội học Nông thôn (XHHNT) cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những mối quan hệ xã hội nông thôn với tư cách là một hệ thống xã hội đặc thù, nó chỉ ra những quy luật xã hội học phổ quát tác động đến hệ thống xã hội nông thôn; cung cấp cách tiếp cận, tìm hiểu và phát hiện các quy luật, tính quy luật đặc thù chi phối các quan hệ xã hội ở nông thôn. Học phần này cũng cung cấp những khái niệm phản ánh những khía cạnh khác nhau của hệ thống xã hội nông thôn. Hiểu các nhóm, các tổ chức, các cộng đồng xã hội nông thôn, mối quan hệ của các cộng đồng (đơn vị xã hội) với Nhà nước. XHHNT chỉ ra cách thức tổ chức (cơ cấu) của xã hội nông thôn, sự vận hành của nó; nghiên cứu những thiết chế xã hội đặc thù ở nông thôn. XHHNT sẽ chỉ ra những tác nhân, những điều kiện chi phối các mối quan hệ, mối liên hệ ở nông thôn giữa “con người ⇔ Con người”; “con người ⇔ tự nhiên”, “con người ⇔ thần linh, tổ tiên”. Nó giúp phân biệt điểm khác biệt giữa hai tiểu hệ thống: xã hội nông thôn và xã hội đô thị. Xã hội học Nông thôn cho thấy động thái biến đổi của nông thôn Việt Nam trong quá trình Đổi mới, trong sự nghiệp “công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn”.
37	Xã hội học Đô thị - Mã số học phần: SOC3002 - Số tín chỉ: 02

	- Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chuyên ngành xã hội học đô thị, trong đó giới thiệu về đối tượng, và sự hình thành xã hội học đô thị, một số cách tiếp cận và khái niệm cơ bản của xã hội học đô thị. Học phần này cung cấp cho sinh viên những cách tiếp cận cổ điển và đương đại của môn xã hội học đô thị. Bên cạnh đó, một số vấn đề nghiên cứu trong xã hội học đô thị cũng được giới thiệu như: đô thị hóa, cơ cấu xã hội đô thị, lối sống đô thị và nhà ở đô thị, quản lý đô thị và các vấn đề xã hội của đô thị. Qua đó, sinh viên sẽ có những tri thức về các vấn đề xã hội học đô thị ở Việt Nam.
38	Xã hội học Dân số - Mã số học phần: SOC3011 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học dân số. Học phần này đi sâu vào một số kiến thức chung về dân số như: Sự phân bố và thành phần dân cư; các lý thuyết phân tích về biến đổi dân số; Mức sinh, mức chết; Di dân và Đô thị hoá. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu về mối quan hệ giữa dân số và các điều kiện kinh tế xã hội như giáo dục, y tế, môi trường, kinh tế. Phần cuối của học phần này, chúng tôi dành một chương để giới thiệu về chất lượng dân số, bao gồm cách tính chỉ số để đo chất lượng dân số Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dân số Việt Nam.
39	Xã hội học môi trường - Mã số học phần: SOC3015 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Học phần này cung cấp một khối lượng kiến thức mang tính hệ thống, cập nhật về Xã hội học môi trường. Nội dung của học phần được chia thành 6 chương. Chương 1 đề cập đến quá trình hình thành và phát

	triển của Xã hội học môi trường trên thế giới và ở Việt Nam, xác định đối tượng nghiên cứu của Xã hội học môi trường. Chương 2 cung cấp một số quan điểm lí thuyết kinh điển và các tiếp cận lí thuyết đương đại trong Xã hội học môi trường. Chương 3 bàn về những vấn đề cơ bản của Xã hội học môi trường. Chương 4 và chương 5 phân tích một số vấn đề môi trường và xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. Chương cuối cùng đề cập đến vấn đề truyền thông môi trường.
40	Xã hội học Văn hoá - Mã số học phần: SOC3005 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của XHH Văn hoá trong đời sống xã hội. Học phần còn gồm những lí thuyết làm nền tảng, phương pháp tiếp cận dưới chiều cạnh XHH Văn hoá. Học phần gồm các kiến thức chung về các thành tố của văn hoá nhằm giúp thuận lợi trong phát hiện vấn đề, hiện tượng nảy sinh đang diễn ra trong đời sống xã hội. Đây cũng là học phần mà những nội dung kiến thức mang tính chất mở kể cả cho người dạy và học tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để ngày càng hoàn thiện về nhận thức cũng như thái độ, kỹ năng nghề nghiệp.
41	Xã hội học giáo dục - Mã số học phần: SOC3012 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về một số cách tiếp cận lí thuyết khác nhau trong nghiên cứu giáo dục như 1 tiểu hệ thống, một thiết chế cơ bản của xã hội. Vận dụng các lí thuyết xã hội học để xem xét hàng loạt các mối quan hệ trong lĩnh vực giáo dục cũng như các vấn đề của giáo dục xưa và nay, đặc biệt là giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hiện nay, những ưu và nhược điểm của hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần chấn hưng nền giáo dục Việt Nam.

42	Xã hội học kinh tế Mã số học phần: SOC3051 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Học phần bao gồm ba nhóm nội dung chính. Nhóm nội dung thứ nhất liên quan đến lý thuyết xã hội học kinh tế. Nhóm thứ hai bàn đến các phương pháp nghiên cứu trong xã hội học kinh tế. Nhóm nội dung cuối cùng giới thiệu và phân tích một số nghiên cứu về xã hội học kinh tế nổi tiếng trên thế giới (đặc biệt là ở Pháp và Mỹ) và ở Việt Nam.
43	Xã hội học tôn giáo - Mã số học phần: SOC3020 -Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chuyên ngành xã hội học tôn giáo, trong đó giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và sự hình thành xã hội học tôn giáo, một số cách tiếp cận và khái niệm cơ bản của xã hội học tôn giáo. Học phần này cung cấp cho sinh viên về sự đóng góp cũng như một số công trình nghiên cứu xã hội học tôn giáo tiêu biểu của một số nhà xã hội học kinh điển. Bên cạnh đó, một số vấn đề về tôn giáo Việt Nam và nghiên cứu xã hội học tôn giáo Việt Nam cũng được giới thiệu cho sinh viên.
44	Xã hội học du lịch - Mã số học phần: SOC3016 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về quan hệ xã hội giữa các nhóm người du lịch và nhóm dịch vụ du lịch trong cấu trúc của các tổ chức du lịch. Cung cấp những cơ sở lý luận về động cơ và nhu cầu du lịch của các nhóm xã hội khác nhau với những nền văn hoá khác nhau. Cung cấp cho người học cơ sở lý luận về nhu cầu quảng bá văn hoá của các

	nhóm xã hội với những đặc thù về cái độc đáo cái chung và cái giao thoa giữa các nền văn hoá. Trên cơ sở lí thuyết được học, sinh viên có thể lí giải những tác động tiêu cực và tích cực của du lịch đến các nhóm xã hội khác nhau. Học phần cũng cung cấp kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa du lịch và phát triển kinh tế văn hoá xã hội ở điểm du lịch, khu vực lân cận và toàn xã hội nói chung. Du lịch làm biến đổi xã hội trên các bình diện văn hoá, tổ chức xã hội, kinh tế xã hội. Những đánh giá về việc đáp ứng nhu cầu xã hội đối với du lịch ở Việt Nam hiện nay
45	Xã hội học sức khỏe - Mã số học phần: SOC3013 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về Xã hội học Sức khỏe, bao gồm: đối tượng, phương pháp, các khái niệm, và một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học Sức khỏe. Sau khi học, sinh viên có thể hiểu được một cách khái quát về mối quan hệ giữa hành vi xã hội với sức khỏe, cũng như những yếu tố chi phối mô hình sức khỏe và bệnh tật trong các lĩnh vực xã hội. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên biết bảo vệ và chăm sóc khỏe của bản thân và cộng đồng trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay
46	Xã hội học pháp luật và tội phạm - Mã số học phần: SOC3048 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Phần XHH Pháp luật: Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học pháp luật, bao gồm: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học pháp luật; các khái niệm, phạm trù và nguyên lí cơ bản của xã hội học pháp luật; nắm một cách đại cương cơ bản về các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học pháp luật: các chức năng của pháp luật với tư cách là một sự kiện xã hội khách quan, nó chi phối không chỉ những cơ quan quyền lực tạo lập ra nó, mà nó điều chỉnh toàn bộ những mối quan hệ giữa con người, các nhóm, các

	tổ chức, các dân tộc, thậm chí điều tiết các quan hệ quốc tế. Tuy nhiên ở đây chỉ xem xét chức năng của nó trong khuôn khổ pháp luật của một quốc gia. Phần XHH tội phạm: Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học tội phạm, bao gồm: đối tượng, chức năng xã hội, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học tội phạm, các khái niệm, phạm trù và nguyên lý cơ bản của tội phạm học và xã hội học tội phạm, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học tội phạm: các chức năng của tội phạm với tư cách là một sự kiện xã hội khách quan – cái “không bình thường”. Nó chi phối không chỉ những cơ quan quyền lực tạo lập ra nó, mà nó ảnh hưởng đến những mối quan hệ giữa con người, các nhóm, các tổ chức, các dân tộc, thậm chí các tổ chức tội phạm chi phối các quan hệ quốc tế.
47	Xã hội học Tổ chức và Quản lý nguồn nhân lực - Mã số học phần: SOC3053 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản như sau: Về nội dung lý thuyết được soạn trên tinh thần tinh chế những nguyên tắc cơ bản nhất có thể áp dụng rộng rãi trong quản lý nguồn nhân lực, tư nhân hoặc nhà nước. Các kiến thức được trình bày ở đây xuất phát từ việc tổng hợp nhiều chuyên ngành hẹp khác nhau xử lý vấn đề quan hệ con người với con người thông qua lao động, việc làm, thu nhập và môi trường... Về nội dung kỹ năng: việc ứng dụng các kiến thức thực hành giúp người học xây dựng được cho mình hệ kỹ năng cụ thể trong từng vấn đề quản lý. Ở mỗi vấn đề, chúng tôi đều đưa ra một tình huống bài tập về quản lý doanh nghiệp, công và tư, để phân tích và bình luận. Người học cũng có thể trình bày vấn đề quản lý mà mình gặp phải để cùng nhau xây dựng kế hoạch hay chiến lược quản lý. Về nội dung phương pháp luận: "Quản lý nguồn nhân lực" trong bối cảnh toàn cầu hoá như hiện nay không thể dựa vào một phương pháp luận nổi trội của một ngành học nào đó. Do vậy, chúng tôi đã quyết định chọn phương pháp luận liên ngành của các khoa học xã hội và nhân văn để xây dựng đề cương bài giảng. Tuy nhiên, sự phối hợp và mức độ can thiệp của từng phương pháp luận cụ thể thuộc các chuyên ngành hẹp khác nhau sẽ

	không thể giống nhau từ đầu đến cuối, bởi lẽ chủ đề của mỗi nội dung có những đặc thù riêng.
48	Xã hội học Lao động - nghề nghiệp - Mã số học phần: SOC3054 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học lao động bao gồm: những khái niệm cơ bản liên quan đến lao động, những đặc điểm, tính chất của lao động; những quan niệm của các nhà xã hội học kinh điển và hiện đại về xã hội học lao động; một số vấn đề xã hội học vi mô và vĩ mô về lao động. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nắm bắt và hiểu biết một số vấn đề về xã hội học lao động trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời cũng cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển Xã hội học nghề nghiệp trên Thế giới và Việt Nam. Một số lĩnh vực và phạm trù nghiên cứu cơ bản của Xã hội học nghề nghiệp cũng được giới thiệu nhằm gợi mở những hướng tiếp cận, khả năng tư duy, phát huy năng lực người học trong nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp. Học phần cũng giới thiệu những kiến thức chung về phương pháp, kỹ năng thực hành nghiên cứu nghề nghiệp xã hội nhằm thực hiện các chức năng xã hội hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội. Đây cũng học phần mà những nội dung kiến thức vẫn mang tính chất mở kể cả cho người dạy và học tiếp tục nghiên cứu, phát hiện, bổ sung để ngày càng hoàn thiện về nhận thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp xã hội học. Nội dung học phần luôn gắn liền với nội dung giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao trách nhiệm của con người với con người, với giai cấp, với dân tộc, sẵn sàng tham gia có hiệu quả vào sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội.
49	Xã hội học chính trị - Mã số học phần: SOC3004 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040

	- Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản và một số lý thuyết xã hội học chính trị. Giới thiệu cho sinh viên một số quan điểm về đối tượng, chức năng của môn xã hội học chính trị, quá trình phát triển của môn xã hội học chính trị thế giới, xu hướng phát triển khác nhau của học phần này tại các khu vực, các quốc gia trên thế giới. Sinh viên sẽ được tiếp cận với một số quan điểm của các nhà tư tưởng, các nhà xã hội học chính trị tiền bối để hiểu thêm về lịch sử của học phần này. Học phần cũng sẽ cung cấp cho sinh viên một số nội dung cơ bản của xã hội học chính trị. Qua đó sinh viên hiểu được cơ sở xã hội, nội dung xã hội, hệ quả xã hội của các sự kiện chính trị, quá trình chính trị, hành động chính trị, khủng hoảng chính trị, phong trào chính trị, tổ chức chính trị, chính trị học so sánh, văn hoá chính trị,... Một số quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh là cơ sở quan trọng trong quá trình tiếp thu và vận dụng học phần này vào Việt Nam. Một số phương pháp nghiên cứu xã hội học chính trị sẽ được giới thiệu để sinh viên vận dụng trong học tập và nghiên cứu khoa học
50	Xã hội học cộng đồng - Mã số học phần: SOC3014 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề nghiên cứu cộng đồng như hệ khái niệm nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu xã hội học về cộng đồng. Hơn nữa, học phần giúp cho người học có được sự chỉ dẫn của một số quan điểm lý thuyết trong việc nghiên cứu cộng đồng. Với các hình thức hết sức phong phú đa dạng, kèm theo nó là vai trò của nó hết sức to lớn trong đời sống cá nhân, cộng đồng và xã hội. Học phần còn giúp cho người học những phương pháp, kỹ thuật, kỹ năng cần thiết phục vụ cho việc điều tra đánh giá, khảo sát nghiên cứu cộng đồng đạt được hiệu quả cao.
51	Xã hội học thanh niên - Mã số học phần: SOC3034 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040

	- Tóm tắt nội dung: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về xã hội học thanh niên như: giới thiệu Xã hội học thanh niên với tư cách là một khoa học; Vị thế, vai trò của thanh niên và xã hội học thanh niên; Đánh giá được vai trò của thanh niên như một nguồn lực, tiềm năng đóng góp vào sự phát triển của đất nước; Học phần còn phân tích mối quan hệ giữa gia đình, cộng đồng đối với việc xã hội hóa thanh niên cũng như các phong trào thanh niên và công tác thanh niên. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp thông tin về những đặc trưng văn hóa, định hướng giá trị, chuẩn mực của thanh niên và những sai lệch về văn hóa, về giá trị chuẩn mực của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.
52	Lồng ghép giới trong các dự án phát triển - Mã số học phần: SOC3032 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Học phần giúp sinh viên nhận biết tầm quan trọng của việc đưa vấn đề giới vào trong nghiên cứu khoa học và quản lý dự án. Học phần cũng hướng dẫn sinh viên cách thức thực hiện nghiên cứu và quản lý dự án có lồng ghép giới và cung cấp cho sinh viên hệ thống các chỉ số theo dõi, giám sát và đánh giá các nghiên cứu khoa học và dự án có tính đến yếu tố Giới. Một số nghiên cứu khoa học và dự án điển hình được lựa chọn và đưa vào phân tích trong các giờ thảo luận và làm bài tập ở trên lớp cho sinh viên hệ thống các chỉ số theo dõi, giám sát và đánh giá các nghiên cứu khoa học và dự án có tính đến yếu tố Giới. Một số nghiên cứu khoa học và dự án điển hình được lựa chọn và đưa vào phân tích trong các giờ thảo luận và làm bài tập ở trên lớp
53	Xã hội học khoa học và công nghệ - Mã số học phần: SOC3017 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bản chất và chức năng xã hội của khoa học và công nghệ và những ứng dụng của xã hội học khoa học và công nghệ vào hoạch định chính sách KH&CN

	và quản lí KH&CN. Thông qua học phần, người học có thể nắm được: Vai trò của khoa học và công nghệ trong sự biến đổi xã hội; Khoa học và công nghệ với vai trò là một thiết chế xã hội; Quan hệ tương tác giữa khoa học và công nghệ với xã hội; Mối quan hệ giữa khoa học và công nghệ với văn hoá; Quá trình hội nhập giữa khoa học và công nghệ với văn hoá; Chuẩn mực xã hội và kiểm soát xã hội đối với chuẩn mực trong hoạt động khoa học và công nghệ... Học phần cũng cung cấp cho người học phương pháp tiếp cận nghiên cứu cộng đồng khoa học và công nghệ như một nhóm xã hội; Cơ cấu xã hội của cộng đồng khoa học và công nghệ. Cộng đồng khoa học và công nghệ trong cơ cấu xã hội nói chung; Phân tầng xã hội trong cộng đồng khoa học và công nghệ. Di động xã hội trong và ngoài cộng đồng này.
54	Thiết kế nghiên cứu xã hội học - Mã số học phần: SOC4056 - Số tín chỉ: 03 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Giúp sinh viên nắm vững và tự thiết kế các nghiên cứu xã hội học theo các chủ đề riêng biệt. Sau khi ra trường giúp sinh viên hình thành và phát huy tư duy khoa học trong nghiên cứu cũng như các hoạt động thực tế
55	Các lý thuyết xã hội học kinh điển - Mã số học phần: SOC4058 - Số tín chỉ: 02 - Học phần tiên quyết: Lịch sử và lý thuyết xã hội học SOC 3039, Phương pháp nghiên cứu xã hội học SOC 3040 - Tóm tắt nội dung: Giới thiệu những quan điểm, nội dung chủ yếu của các lý thuyết xã hội học xuất hiện từ đầu thế kỷ XX (chủ yếu từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất) đến nay; quá trình hình thành; mức độ phổ biến, việc sử dụng và xu hướng biến đổi của chúng cũng như mối liên hệ của chúng với các lý thuyết xã hội học kinh điển.

